

Ơ QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 12 — THÁNG MƯỜI HAI NĂM CANH-TÝ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số 12 năm thứ VI

Rằm tháng 12 năm Canh-Tý (31-1-1961)

TRONG SỐ NÀY :

Liên-Hoa bước sang năm thứ bảy	<i>Liên-Hoa</i>
Tìm hiểu pháp ZEN ở Nhật	<i>Thích Thiên-Ân</i>
Đức Phật thành đạo	<i>T. H. P. G. T. T.</i>
Ba trăm lạng bạc một bài học (Mẩu chuyện đạo)	<i>Quảng-Huệ</i>
Đôi mắt gửi trời xa (Thơ)	<i>Thi-Vũ</i>
Nhận định đề hành động	<i>Thích Nguyên-Hồng</i>
Tiêu dao (Thơ)	<i>Thạch Trung-Giả</i>
Tại sao người ta tin theo đạo Phật	<i>Thành-Ngôn</i>
Tiếng chuông khuya (Chuyện ngắn)	<i>Thích-nữ Thể-Quán</i>
Bên sông (Thơ)	<i>Quách-Tấn</i>
Tờ giấy gọi	<i>Đức-Thương</i>
Những ngã đường (Chuyện dài)	<i>Võ đình-Cường</i>
Tìm tài liệu Gia-đình Phật-tử	<i>Nguyễn-ngọc-Diệp</i>
Diễn văn khai mạc Gia-đình Phật-tử T. P.	<i>Hoàng-Kim-Cúc</i>
Tin tức	
Hộp thư	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Trí trình bày

LIÊN-HOA BƯỚC SANG NĂM THỨ BẢY

LIÊN-HOA

THẮM-thoát mới ngày nào ra đời đó, mà đến nay Liên-hoa đã được sáu tuổi rồi. So với thời gian vô tận, thì 100 năm cũng không có nghĩa gì, huống là sáu năm. Nhưng so với phần đông tuổi báo chí, nhất là báo chí nước nhà, trong những giai đoạn luôn luôn biến chuyển và khó khăn này, sáu năm cũng đã là thọ lắm.

Trong sáu năm đó, Liên-hoa luôn luôn cố gắng vươn cao lên, để đạt đến một mực-độ khả quan, đẹp đẽ hơn cả về nội dung lẫn hình thức. Nếu độc-giả nào còn giữ lại những số Liên-hoa đầu tiên, đem ra so sánh với những số trong năm nay thì sẽ thấy rõ ràng sự cố gắng ấy.

Kết quả khả quan đó, một phần lớn là do sự góp sức trực tiếp hay gián tiếp của quý vị độc-giả thân mến. Những lá thư từ bốn phương bay về, khen ngợi có, khuyến-khích có, đề nghị sửa đổi có, phàn nàn có, là bao nhiêu dấu hiệu tỏ lòng hưởng-ứng và lo toan của quý độc-giả đối với một cơ-quan ngôn luận chung của Phật-giáo nước nhà. Song song với sự góp sức xây dựng tinh thần của tờ tạp-chí ấy, nhiều độc giả lại góp sức xây dựng tài chánh cho Liên-hoa bằng cách cõ động thêm độc-giả hay sốt sắng gởi trước số tiền mua báo dài hạn của mình. Nhờ những sự giúp đỡ ấy, Liên-hoa, một cơ-quan ngôn-luận nghèo nàn về mặt tài-chánh

và không nhận phụ cấp của một ai cả, đã đứng vững được một cách mạnh mẽ và mỗi ngày mỗi thêm đông độc-giả.

Sở dĩ độc-giả thân mến ủng hộ Liên-hoa là vì quý vị thấy đó là hình bóng tinh thần, là âm thanh thân thuộc, là mối giây liên-lạc thâm tình của giới Phật-tử nước nhà. Trước lòng ưu ái, trước sự ủng hộ nhiệt thành của quý vị độc giả mười phương. Liên hoa lẽ nào không thấy phấn khởi, hăng hái làm việc trong quá khứ, trong hiện tại cũng như trong tương-lai để xây dựng cho Phật-giáo Việt-Nam một cơ quan ngôn luận chân-chánh, hùng mạnh nhất, xứng đáng với sứ mệnh cao quý của mình và không thua sút một cơ quan ngôn luận chân-chánh nào khác.

Châm-ngôn của Liên-hoa là «Nhật nhật tân». Cho nên sang năm mới, một mặt Liên-hoa sẽ cố gắng giữ vững những thành quả tốt đẹp của mình; một mặt sẽ bổ khuyết và tăng cường cả nội dung lẫn hình thức, nhất là sẽ chú trọng thêm phần giáo-lý kinh-luận để ứng đáp kịp thời những nhu cầu chung của quý độc-giả.

Thưa quý độc-giả, như chúng tôi thường nhắc đi nhắc lại, và chính quý vị cũng còn công nhận như thế, là: mỗi độc-giả của Liên-hoa cũng vừa là mỗi Phật-tử, một hội-viên của Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam. Vì thế, mỗi chúng ta đều thấy có nhiệm-vụ hoàn thành một cơ quan ngôn luận gương mẫu. Về phần Tòa soạn, chúng tôi đã hứa là luôn luôn tích cực phở biến tinh thần Bi, Trí, Dũng, góp phần chánh tín đạo đức trong công cuộc xây dựng nước nhà chung. Về phần quý vị, chúng tôi mong ước rằng quý vị sẽ luôn luôn lưu tâm ủng hộ Liên-hoa, vừa đọc, vừa gửi bài, hay cho ý kiến xây dựng, vừa phở biến, giới thiệu Liên-hoa với thân bằng quyến thuộc, nhất là với hội hữu ở các vùng hẻo lánh, xa xôi mà Liên-hoa là một nguồn an ủi, một người bạn tâm tình; một cố vấn đạo đức một người liên lạc tận tụy và chân thành của Đại gia-đình Phật-giáo vậy.

Tìm hiểu phái Zen ở Nhật:

IX. - ZEN CỦA ĐẠT-MA TÔ-SU

Lý-nhập tức là nương nơi giáo mà ngộ tôn, thâm tin đạo-lý tất cả các loài hàm-sanh đồng-nhất chân-tánh; chân-tánh ấy vì khách-trần vọng-tướng che lấp nên không được hiển-hiện. Nếu bỏ vọng quy chân, ngưng trú vào tịch-quán, tự tha không phân biệt, phàm thánh đều đồng nhất, không nương nơi văn giáo, kiên trì vào tịch-như thì chính khi ấy là phủ-nhập chân-lý, tịch-nhiên vô-vi, giác-chúng và phân-biệt. Ấy tức là lý-nhập.

LƯỢC BIÊN ĐẠI-THỨA NHẬP-ĐẠO TỬ-HÀNH

THÍCH-THIỀN - AN

DỨC Thích-Tôn do tọa-thuyền mà được ngộ-nhập vào đạo-lý chân-thật. Tất cả giáo-nghĩa và hạnh-pháp của Phật-giáo đều có quan hệ mật-thiết với thiền-dịnh. Thiền-dịnh đã là phương-tiện đưa đức Thích-Tôn đến đạo quả giác-ngộ và cũng là phương-pháp tu hành căn bản của Phật-giáo thì có thể nương vào thiền-dịnh để thống nhất Phật-giáo. Do quan-niệm ấy nên khi Phật-giáo truyền đến Trung-Hoa, ở đời Đường, thiền-dịnh đã nghiêm nhiên tổ chức thành một tôn-phái gọi là Thiền-tôn, và theo tiếng Nhật gọi là Zenshu.

Vị Tô-sư đầu tiên khai sáng ra Thiền-tôn là Ngài Đạt-Ma tô-sư (Boddhidharma). Ngài Bồ-đề Đạt-Ma là vị Hoàng-tử thứ 3 con của vua ở nước Hương-Chi-Quốc, về phía Nam của Ấn-Độ. Mặc dù là một Hoàng-tử, nhưng từ nhỏ Ngài rất

hâm mộ tín kính Đại-thừa Phật-giáo. Về sau Ngài xuất-gia tu học với Ngài Bát-Nhã Đa-La tôn-giả và nhất tâm chuyên niệm tu hành theo pháp tọa-thuyền. Cứ như thế tiếp tục tu hành Thiền-dịnh, cho đến khi vì không dẫn được nổi đau lòng cho nền Phật-giáo mỗi ngày một suy vi, nên Ngài không quản ngại gian-lao nguy hiểm, leo núi băng dèo, qua sông, vượt biển, đem Phật-giáo truyền đến Trung-Hoa.

Ngài Bồ-đề Đạt-Ma đến Trung-Hoa khoảng năm 470 Tây-lịch. Bắt đầu là Ngài đến ở phía Nam của tỉnh Quảng-Đông, về sau Ngài vượt qua sông Giang-tử, vào đất nước Ngụy, trú ngụ và tu-tập thiền - định tại chùa Thiếu-Lâm ở núi Cao-Sơn (嵩山) kế-cạnh với thành Lạc-Dương ở thời ấy. Theo truyện-ký thì sau khi đến ở chùa này, trải qua 9 năm Ngài chuyên tâm tu tập theo pháp « diện-bích thiền-quán » (1). Đồng thời Ngài cũng thỉnh-thoảng đi đến chùa Vĩnh-Ninh và các nơi phụ cận trong thành phố Lạc-Dương để thuyết-pháp độ sanh và truyền bá tư-tưởng cùng phương pháp tu tập thiền-dịnh. Ngài nhập-diệt vào khoảng năm 534 tức là niên hiệu Thiên-Bình nguyên niên. Hiện tại các chùa thuộc về phái Zen ở Trung - Hoa cũng như ở Nhật-Bản hằng năm thường tổ-chức lễ kỷ-niệm thị tịch của Ngài vào ngày 15 tháng 10. Ngày này được xem là ngày kỵ chung của phái Zen vậy.

Thuyết-giáo căn-bản của Ngài Bồ-đề Đạt-Ma là pháp Nhị-nhập và Tứ-hạnh. Nhị-nhập tức là Lý-nhập và Hạnh-

(1) Diện-bích thiền-quán tức là xây mặt vào vách để thiền-tư mặc-tưởng quán-sát tu-niệm.

nhập. Tứ-hạnh là Bảo oan hạnh, Tùy duyên hạnh, Vô sở cầu hạnh và Xứng pháp hạnh. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu ý-nghĩa của Nhị-nhập và Tứ-hạnh để thấu rõ đặc trưng của phái Zen, nhất là Zen của Ngài Đạt-Ma tổ-sư.

Nhị-nhập là: 1) *Lý-nhập* tức là nương vào những lời dạy bảo của các vị Thuyền-tăng mà tu-hành, tin tưởng mọi loài chúng-sanh đều có tự tánh thanh-tịnh tâm, đồng như Phật. Trong tự tánh thanh-tịnh tâm này không có tự tha, phạm-phu và Thánh-nhơn bản lai đều đồng một thể tánh. Lý-nhập ở đây còn có một ý-nghĩa khác là không cần cứ vào văn tự sách vở, mà chỉ nương vào nơi pháp « dĩ tâm ấn tâm, sư tư tương- thừa » để tự mình vận dụng tri-quán, thâm đạt ngộ nhập vào chân-lý tự tâm mà thôi. 2) *Hạnh-nhập* tức là dựa vào phương-pháp tọa-thiền bích quán (2), thật địa tu-hành để dần dần thể nhập vào tự-tánh thanh-tịnh tâm, tâm Phật chúng-sanh đồng nhất bản thể như trong lý-nhập đã đề xướng.

Tứ hạnh là: 1) *Bảo-oan-hạnh* là chỉ cho những quả-báo khổ não đau buồn của kiếp nhân-sinh, dù kể tu-hành cũng không tránh khỏi. Trong khi chịu những khổ báo này, người tu thuyền không oán giận trách hờn ai, mà chỉ quan niệm đó là những kết quả của nghiệp nhân đã gây tạo ở

(2) Theo thuyết-lý của Zen. Bích-quán không những chỉ có nghĩa quay mặt vào vách để thiền-dịnh quán-tưởng mà thôi. Nó còn là một danh từ chỉ chung cho các trạng-thái an-tĩnh của tâm-hồn, ngoài thì xa lìa các tạp-sự, trong thì dứt bỏ các loạn tưởng vọng tâm nữa.

đời quá khứ; đồng thời phát tâm tinh - tấn tu - hành, thể-hội chân - lý để chóng thoát - ly khổ - quả luân - hồi. 2) *Tùy-duyên - hạnh* là quán - sát tự thân cũng như vạn loại hữu - tinh đều là do nhân - duyên hòa hợp mà thành, không có thật thể cố định; mọi kết quả đều do hành - vi ở quá - khứ gây nên, khổ hay vui cũng đều do nhân - duyên nghiệp - báo mà sanh. Cho nên dù đau khổ đến cùng, hay sung - sướng tốt bậc, người tu thuyết cũng cố gắng giữ tâm bình - tĩnh, an nhiên bất động để tiến tu đạo nghiệp. 3) *Vô - sở - cầu - hạnh* là người đời vì mê mờ vọng chấp nên cứ rong - ruổi tham cầu theo các việc trong trần - gian, chứ người có trí huệ vì muốn thân tâm an - tịnh, ngộ nhập, chân - lý, nên thường quán - sát vạn pháp là không, không tham cầu chấp trước, không vọng tưởng điên đảo nên dễ dàng tiến bước trên đường giải - thoát giác - ngộ. 4) *Xưng - pháp - hạnh* là quán sát mọi sự mọi vật đều là không, không có tâm thủ - xả, không phân biệt tự tha, hiểu ngộ đạo - lý Nhị - không vô - ngã, thể hiện vào bản - lai diện - mục, tự - tánh thanh - tịnh tâm, an nhập vào pháp - tánh, tâm Phật chúng - sanh đều nhất như bình - đẳng.

Trong khi đề - xướng đạo - lý Nhị nhập Tứ - hạnh này, chủ đích của Ngài Đạt - ma Tổ - sư là muốn cho các hàng đệ - tử thâm nhập vào lý tánh, áp dụng phương - pháp thuyết - định

Nhị không là nhân không và pháp không, hay nói một cách khác là nhân - sanh không và vạn pháp không. Cả nhân và pháp đều là không, đều là do nhân - duyên giả hợp mà thành, không có thật thể bản ngã, nên gọi là Nhị - không vô - ngã.

quán tưởng trong đời sống sinh hoạt. Cho nên mặc dù Zen là lấy chỗ chứng ngộ Phật-tâm làm đích, nhưng cũng không phải vì thế mà bỏ qua những việc tu-tập quán-tưởng hằng ngày. Phương-pháp tu tập này theo phái Zen thường gọi là diệu tu, và do diệu tu nên được tức thời chứng ngộ, nên gọi là đốn ngộ. Đốn ngộ diệu tu là tinh túy Zen của Ngài Đạt-Ma và được Ngài Lục-Tổ Huệ-Năng xiển-dương, truyền thọ lại cho hậu thế.

Nên nhớ rằng: trong sự truyền bá chánh-pháp của Ngài Đạt-Ma tổ sư, Ngài chưa hề dùng một cuốn sách hay một bài văn nào, trái lại, Ngài chỉ dùng phương-pháp « trực chỉ nhân tâm, sư tư tương thọ » để truyền trao tâm ấn cho đệ-tử mà thôi. Trong phương-pháp này Ngài không chú trọng ở các khái niệm do ngôn-ngữ văn tự tạo nên, mà chỉ chú trọng ở chỗ lý hội thể đắc, thân-tâm thể-nghiệm. Nói một cách khác, Ngài chỉ dùng tâm quang để chiếu sáng tỉnh giác cho mọi người, rồi mọi người tự mình dùng trí quán để thể nghiệm chân-lý bản-thể. Đối với chân lý bản thể, mọi ngôn-ngữ văn-tự đều là vật tương đối. Cái tương đối không thể biểu thuyên được một cách đầy đủ cái chân lý tuyệt đối vô cùng. Cũng do đó nên phái Zen thường áp dụng theo phương-pháp « bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền ».

Trong Cảnh-dức Truyền-dăng-lục có chép câu chuyện sau đây: Vua Lương-Vô-Đế là một ông vua rất sùng tin

Phật-giáo, Ông thường tận tâm trong các công việc xây chùa, tạo tượng, đúc chuông, ấn hành kinh điển, cúng-dường chúng tăng v.v... Một hôm, Vua thân hành đến rước Ngài Đạt-Ma tổ-sư về cung cúng dường và hỏi: « Thánh-đế đệ nhất nghĩa là gì, xin Ngài vui lòng dạy bảo cho » Ngài Đạt-Ma Tổ-sư trả lời: « Quách nhiên vô thánh » (4). Vua Lương-Võ-Đế có ý không bằng lòng mà hỏi lại rằng: « Vậy thì Trẫm là ai? » Ngài Đạt-Ma Tổ-sư bình tĩnh trả lời: « không biết ». Câu chuyện vấn đáp này tuy có vẻ thô sơ, nhưng nó bao hàm một ý-nghĩa rất thâm thúy. Một khi hiểu được thâm ý của những câu trả lời này tức là có thể liễu ngộ được một phần nào tinh túy Zen của Ngài Đạt-Ma.

Những câu trả lời « quách nhiên vô-thánh » « không biết » v.v... của Ngài Đạt-Ma tổ-sư trên là để phá trừ các quan-niệm phân biệt cố chấp: có thánh có phàm, có nhân có ngã, của Vua Lương - Võ - Đế nói riêng, và của toàn-thể Phật-tử nhất là những người tu-tập theo phái Zen nói chung vậy.

Người kế- thừa giáo- pháp của Ngài Đạt- Ma tổ- sư là Ngài Huệ- Khả. Cho nên Ngài Đạt- Ma được xem là đệ- nhất- tổ, Ngài Huệ- Khả là đệ- nhị- tổ của Thiền- tôn ở Đông- độ, tức là Trung- Hoa, Nhật- Bản v. v. . . Ngài Huệ- Khả là một người rất thông- minh, từ nhỏ đã thông- hiểu thế- sự, thấu đạt các lý- nghĩa uyên- thâm uẩn- áo của Nho- học. Về sau, lúc 41 tuổi, Ngài đổi chí- hướng tìm đến học- đạo với Ngài Đạt- Ma tổ- sư ở chùa Thiếu- Lâm- Tự. Trải qua gần 5 năm học- đạo, sớm chiều hầu hạ tu- niệm, sư- đệ tương- giao. Về sau được Ngài Đạt- Ma tổ- sư truyền dạy

cho pháp « Tâm yếu » và « Từ-quyền Lăng-già ». Rồi Ngài vâng lệnh Thầy, từ-tạ ra đi, đến nước Đông-Ngụy hoàng-hóa tuyên-dương yếu-nghĩa của Thuyền-pháp. Ở đây, dần dần Ngài đã thâu-phục nhân-tâm và môn-hạ đã có trên 1.000 người. Ông Đạo-Hoàng vì cạnh-tranh nhân-ngã, nên đã nhiều lần công-khai phi-bán công-việc truyền-bá của Ngài Huệ-Khả và đã từng thuê người đến mưu-sát Ngài. Nhưng chính những người đến mưu-sát ấy cũng được Ngài cảm-hóa và cho làm đệ-tử. Về sau, trong khoảng năm 574 Tây-lịch, vì có phong-trào « Bắc-Châu phá Phật », nên Ngài đã cùng với đệ-tử lần tránh vào núi Hoàng-công-sơn (峯公山) ở Thu-Châu (舒州), thuộc tỉnh An-Trung (安徽) bấy giờ. Đến năm 579, Ngài lại trở về kinh-thành tiếp tục công việc hoàng-hóa độ-sanh và Ngài đã thi-tịch vào khoảng năm Khai-Hoàng thứ 9 và thứ 10, tức là độ 10 năm sau khi trở về kinh thành.

Ngài Huệ-Khả trước khi đi xuất-gia đã là một người am-tường thế sự, thông hiểu nho-học, và cũng đã từng cảm hóa Ngài Huệ-Bố, một người tri-huệ cao cường của phái Tam-luận-tôn; nhưng vào các sự kiện ấy nên người đời thường tôn xưng Ngài là một vị Thức-giả thuyền chèo. Và căn cứ vào đạo hạnh của Ngài, về sau người ta suy luận rằng: Ngài là một vị thuyền Tăng, tu hành theo hạnh đầu-dà, tức là an-bần thủ đạo, y thực trú không đầy đủ.

Ngài Huệ-Khả tuy tu học theo pháp Nhị-nhập Từ-hạnh và được Ngài Đạt-Ma Tô-sư truyền cho pháp « Lăng-già diệu-tâm », nhưng nếu so sánh thì đối với vấn đề đoạn trừ quan niệm thủ xả, phá bỏ ý thức phân biệt vọng-chấp

thì Ngài Huệ-Khả còn chú trọng và tích cực hơn Thầy nhiều. Ngài đã từng nói: « khi mê thì người theo pháp, khi ngộ thì pháp trở lại theo người », « Người tri thì vì người quên mình, kẻ ngu thì vì mình quên người ». Và hơn nữa Ngài còn tuyên bố: « Nương vào văn tự mà giải liễu tức là người khi lực còn kém; ly văn tự mà giải liễu, tức nơi sự mà chơn, tức nơi pháp mà thấu đạt, mới thật là chơn giải liễu ». Nương vào các lời nói này chúng ta thấy thâm ý của Ngài Huệ-Khả là khuyến khích môn đệ không nên y vào học - văn - tự mà tìm đạo; phải ly văn tự để tự mình thật hành tu chứng, thể đắc lấy mới thật là đạo chân thật. Đây cũng một lần nữa tuyên biểu ý nghĩa: Zen là chủ-trương « bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật » vậy.

Về việc tìm Thầy học đạo của ngài Huệ-Khả, trong Tăng-truyện có chép câu chuyện như sau: Ngài Huệ-Khả đến chùa Thiếu-Lâm cầu đạo với ngài Đạt-Ma Tô-sư trong một buổi chiều mưa lạnh, tuyết rơi phủ trắng cỏ cây muôn loài. Ngài đứng đợi ở ngoài sân cho đến khi màn đêm gần phủ kín cả vạn vật mà vẫn không được tiếp-kiến với Thuyền-sư. Ngài bèn gan đứng đợi như thế. Tuyết rơi mỗi lúc mỗi dày hột và lấp kín đến đầu gối của Ngài. Ngài Đạt-Ma Tô-sư thấy thế liền đến hỏi rằng: « Người đứng lâu trong tuyết lạnh như thế để mong cầu gì? » Ngài Huệ-Khả nước mắt ròng-rã mà thưa rằng: « Xin ngài rủ lòng thương xót dạy vẽ cứu độ cho tôi » Ngài Đạt-Ma Tô-sư liền nói rằng: « Phật-pháp nan văn, tồ-đạo cao-quý, không dễ gì ngày một ngày hai mà nghe được. Đầu phải

(4) « Quách-nhiên vô-thánh » tức là chỉ cho ý-nghĩa trong bản-tánh thanh-tịnh-tâm bản-lai là như thế, không thêm không bớt, không có sanh-tử Niết-bàn, không có thánh phàm các tướng sai biệt.

mới chỉ làm được một việc khó làm, nhận được một ít việc khó nhằn mà được nghe Phật-pháp liền! Người thiêu-tri bạc-dức có thể được nghe chánh-pháp chăng». Sau khi nghe xong những lời dạy-bảo ấy, Ngài Huệ-Khả liền phát tâm đồng-mãnh, cầm dao cắt đứt cánh tay phải của mình đưa lên trước mặt Ngài Đạt-Ma để tỏ rõ chí hướng nhiệt tâm cầu-đạo. Nhận thấy sự nhiệt tâm cầu-đạo ấy, nên Ngài Đạt-Ma mới nhận Ngài Huệ-Khả cho làm đệ-tử (5). Về sau; Ngài Huệ-Khả được Ngài Đạt-Ma truyền cho tâm-ấn, tương-thừa tổ-đạo, làm vị Tổ-sư thứ 2 của phái Zen.

Đứng về quan niệm phổ thông của người đời thì câu chuyện cầu đạo trên có vẻ quá ly kỳ bất tư nghị, nhưng đứng về phương-diện tôn-giáo nhất là Phật-giáo và Zen thì sự nhiệt tâm cầu đạo ấy là một yếu tố rất cần thiết. Vì thế trong kinh luận của Phật-giáo thường đề cao và khích lệ những câu chuyện xả thân cầu đạo tương tự như thế này. Thật vậy, tu hành, theo Phật-pháp là một việc rất khó và cần nhiều thi giờ mới mong thi hành được kết quả. Cho nên nếu không có một chí khí vững mạnh, một tâm cầu đạo nhiệt nung thì người tu-hành rất khó lòng mà thắng được những thử thách chướng ngại trên bước đường tu hành tiến đến đạo quả chân thật giác-ngộ. Lịch sử cầu đạo của Ngài Huệ-Khả — đệ nhị tổ của phái Zen — là một gương sáng cho các hàng Phật-tử không những trong lúc thực hành Zen mà còn cả trên bước đường học đạo, tu đạo và hoằng đạo nữa là khác.

(Ký sau: Lịch-sử thành-lập của Zen)

(5) Câu chuyện này có chép rõ trong * Lâm-giang-Lục quyển hạ * * Lăng-Già-Sư-Tử ký * * Truyền-Pháp-Bảo ký * v.v...

Bài giảng ngày 8 tháng 12 trong dịp

ĐỨC PHẬT THÍCH-CA THÀNH-ĐẠO

*Nam - Mô Bồn - Sư Thích - Ca
Mâu-Ni Phật,*

Thưa toàn thể Hội-hữu,

*Hôm nay, mồng 8 tháng chạp,
chúng ta là những đệ-tử của
đấng Vô - Thượng - Giác, chúng
ta cùng một lòng thành kính,
vận dụng hết tâm tư về Ngài,
đánh lễ kỷ niệm ngày Phật Thành-
Đạo.*

*Hai chữ Thành - Đạo, chính là
một ngày huy hoàng nhất trong
lịch-sử của nhân-loại, ngày mà
cách đây hơn 25 thế-kỷ, dưới
gốc cây Bồ-Đề, thái-tử Tất-Đạt-
Đa, sau 6 năm khổ hạnh tuyệt
sơn, đã chứng quả Vô - Thượng -
Giác, thành Phật hiệu là Thích-
Ca Mâu-Ni. Ngày đó Ngài đã*

*dem lại cho muôn đời ánh sáng
Chân-Lý, phá tan những mê mờ,
tắm tối, giải thoát sanh linh qua
bề khổ, nêu cao gương anh dũng,
đầy từ-bi vô hạn và trí - huệ
tuyệt vời.*

*Xem lịch-sử đức Phật, chúng
ta thấy :*

*Thái-tử Tất-Đạt-Đa đến dưới
cây bồ-đề, trải cỏ làm nệm, ngồi
tịnh tọa tham thiền và thề rằng :
« Dù xương thịt khô mục, mà
không thật hiện được Chân-Lý,
thì ta thề quyết không đứng dậy
khỏi chỗ này ». Rồi 49 ngày
nhập định, Ngài vận dụng tận
cùng tất cả năng-lực tư-duy tinh
nhuệ, chiến thắng tất cả giấc
phiên não ở nội-tâm, phát triển*

tri-tuyệt vời, cho đến một đêm nọ, đêm mồng 8 tháng 12, canh một Ngài chứng quả Túc-mạng-minh, thấy rõ kiếp trước của mình, của mọi người, canh hai chứng quả Thiên-nhân-minh, giác ngộ hoàn toàn cùng khắp, canh ba chứng quả Lưu-tận-minh, diệt trừ hết thảy mê lầm từ vô thủy, mây vô minh đã dẹp, tâm tri khai thông, đến lúc sao Mai mọc, Ngài hoát nhiên đại-ngộ, chứng quả Nhứt-Thế-Chủng-Tri, được đạo Vô-Thượng, thành bậc Chánh-Đẳng-Chánh-Giác, hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni.

Thành-Đạo nghĩa là gì? Đạo nghĩa là sự Thật và phương-pháp thật hiện sự thật ấy. Thành-Đạo có nghĩa là thật hành rốt ráo các phương-pháp ấy và rõ ràng hơn, Thành-Đạo nghĩa là thành tựu cái Tri-Giác triệt đề và cùng khắp vậy.

Chính đó là thành công lớn lao nhất trong lịch-sử nhân-loại, mà đức Bôn-Sư chúng ta, phải trải qua bao nhiêu kiếp, cực kỳ gian lao tu học mới đem lại kết

quả như thế được. Hôm nay chúng ta làm lễ kỷ-niệm chính là để kỷ-niệm sự thành công vĩ đại và rực rỡ ấy. Thứ nữa, việc Thành-Đạo của Đức Bôn-Sư là một phát minh có một không hai, cái Chân-Lý của vạn-hữu bản lai thường trú. Cho nên Thành-Đạo nghĩa là Giác-Ngộ chứ không phải sáng tạo ra Chân-Lý, cũng ví như các định-luật của khoa-học, mà các nhà khoa-học phát minh ra, chứ không phải sáng tạo ra nó được. Nhưng trong vũ-trụ, cái đáng quý giá nhất là năng-lực phát minh, nhất là sự phát minh Chân-Lý. Cho nên hôm nay chúng ta kỷ-niệm, còn là kỷ-niệm sự phát minh quý báu mà đức Bôn-Sư chúng ta phải trải qua bao nhiêu sự hy-sinh lớn lao mới thành được.

Sau khi Thành-Đạo rồi, Đức Bôn-Sư rất phân vân giữa 2 thất-cực: một dăng thì Chân-Lý vũ-trụ quá cao, một dăng thì tâm-tri chúng sanh quá thấp, cho nên Ngài áp dụng phương thức muôn đời của các Đức

Phật là thiệt hành hai lối giáo-dục :

1) Quán triệt tôn-chỉ tối cao và
2) Thi hành các biện pháp thiệt-dụng. Nghĩa là muốn cho mọi người đều được giác-ngộ Chân-lý, đức Bồn-Sur đều áp dụng tất cả mọi hình thức giáo-hóa cho thích hợp với trình độ mọi người, nhưng dù các hình thức đó có muôn ngàn sai biệt đi nữa, mục-dịch vẫn qui về tôn-chỉ tối cao. Nhờ lối giáo-dục khéo khéo đó mà đức Bồn-Sur cố gắng đui dắt chúng sanh, cho nên những người đã theo Ngài, đều thật chứng được Chân-lý. Ngày nay chúng ta tu học đây, nhờ lối giáo-dục ấy mà nhất định chúng ta cũng sẽ thật hiện được sự thật của vạn vật.

Hôm nay chúng ta kỷ-niệm ngày

Thành-Đạo, chúng ta hãy noi gương cao cả của Đức Từ-Phụ, trọn đời hy sinh cho mọi loài. Với 49 năm du hóa, độ thoát vô số chúng sanh lên bờ Giác-ngạn, pháp âm lưu mãi với thời gian, vậy chúng ta là Phật-tử, chúng ta không nên nghĩ chỉ làm lễ kỷ-niệm Ngài qua một hình thức thông thường cho có, mà cần phải nhìn vào đời sống đức Phật, tinh tấn tu học đúng Chánh-Pháp, cố gắng cởi mở bớt các nghiệp chướng, phiền não, diệt trừ tam độc Tham, Sân, Si, sống lợi lạc quần sanh, sống Từ-Bi Hy-Xả, mới mong có hy vọng đạt thành quả-vị giác-ngộ như đức Phật, chỉ có thực hành như thế mới khả dĩ gọi là kỷ-niệm đức Phật và báo ân Phật mà thôi.

Chúng tôi có nhận hai số **NGUYỆT SAN LUẬN - ĐÀM**, Cơ quan ngôn luận của Tổng-hội Giáo-giới Việt-Nam, do ông Thâm-Quỳnh làm Chủ-nhiệm, giá mỗi số 15\$, Tòa soạn đặt tại Viện Đại-học, số 3 Công-trường Chiến-sĩ Sài-gòn.

Chúng tôi thành thật cảm ơn và xin hoan hỷ giới thiệu Luận-Đàm với độc-giả Liên-Hoa.

L. H.

Ba trăm lạng bạc một bài học

Mẫu chuyện đạo của QUẢNG-HUỆ

LÂU nay, dân chúng trong thành xôn xao vì một tấm biều treo trước cửa một đền đài: **Ba trăm lạng bạc một bài học.** Người ta bảo rằng, trong đền có một nhà đạo sĩ từ Hy-Mã-lạp-Sơn xuống và nhà đạo sĩ sẽ dạy một bài học cho kẻ nào bỏ ra ba trăm lạng bạc Ba trăm lạng bạc! Số tiền to bằng cả cái gia tài của kẻ giàu có ở đây để đổi lấy một bài học! Có nhiều người đã chen nhau vào xem tướng mạo nhà đạo sĩ. Họ chỉ thấy một nhà tu hành suốt ngày ngồi tĩnh tọa dưới bóng cây Bồ-đề lớn giữa sân, nhưng rồi mỗi người đồn thêm một ít, thành ra nhà đạo sĩ nổi danh phi thường. Tiếng tăm nhà đạo sĩ lạ lùng truyền đến tai vua nhân khi ngài đi dạo ra ngoài hoàng cung. Thế nào? Một bài học của một người đạo sĩ! Trước đây bao nhiêu pho sách quý trong thư viện nhà vua đã đọc, đã thông hiểu rồi Bao nhiêu lời dạy của vua cha, lời bàn luận của đình thần đã in sâu vào trí tuệ sáng suốt của ngài. Còn bài học nào quý giá hơn nữa? Còn có kẻ nào dám kiêu hành giảng một bài học với giá ba trăm lạng bạc?

Nhưng sau cùng, vì hiếu kỳ, nhà vua giả dạng thường dân cùng đi với vài cận thần đến ngôi đền để gặp nhà

đạo sĩ. Thoạt trông thấy nhà đạo sĩ ngồi tọa thiền trước sân, vua tự nhiên sanh lòng trọng nể. Vua dâng lễ ba trăm lạng bạc và xin lời chỉ giáo. Đạo sĩ vẫn ngồi quán tưởng điềm tĩnh, giây lâu mới nói. Bài học chỉ gồm một câu vốn vẹn : « **Làm việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả.** »

Ôi! Bài học quá ư đơn giản. Thật là ngoài sự tưởng tượng của mọi người! « **Làm việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả** ». Có quan đình thần vội vã đã cho là không xứng đáng với số tiền lớn lao, nhưng không ai dám nói điều gì vì nhà vua nãy giờ vẫn cứ ngồi suy tưởng. Lát sau, nhà vua đứng lên, vái tạ nhà đạo sĩ rồi lui về cung.

Đêm hôm ấy, vua ngủ không được. Ngài hồi tưởng lại những việc ngài làm. Ngài thấy rõ kết quả của mỗi việc nằm ngay trong lúc bắt đầu của việc ấy. Lễ nhân quả chi phối tất cả. Đó là một chân lý mãi mãi tồn tại với thời-gian.

Sáng hôm sau, vua ra lệnh khắc câu dạy của nhà đạo sĩ khắp nơi. Thế là trước cửa Ngọ môn, trước cổng cung điện trên tường thành, người ta đọc rõ hàng chữ : **Làm việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả.** Người ta còn khắc câu quý báu ấy trên khay trà, trên chân đèn nến, trên cán bút, ngoài vành chén, mọi nơi. .

Một hôm kia, trong một buổi thiết triều, các quan đại thần dâng vua một đạo luật mới, đề xin vua phê chuẩn. Quen lệ thường, vua nắm lấy bút, thắm vào nghiên son. Ngài đặt tay xuống, định sắp sửa phê vào. Nhưng bỗng ngài nhìn chăm chăm vào lời dạy của nhà đạo sĩ khắc trên cán bút : « **Làm**

việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả». Rồi Ngài thấy trước mắt Ngài, nghe bên tai Ngài lời dạy quý hóa trên. Ngài ngừng tay lại. Ngài cần xem kỹ lại đạo luật trên. Tính mệnh của dân chúng dưới quyền Ngài đặt vào đây, dưới ngọn bút của Ngài. Ngài xem kỹ lại. Ôi! một đạo luật ghê gớm! Đạo luật ngăn cấm khắc khe các tôn giáo đối lập, phanh thây, xẻ thịt những phường loạn tặc. Vua suy nghĩ. Mà tại sao lại có loạn tặc, có tôn giáo đối lập? Đem hà khắc, đem máu mà mong an lành cho ai? Kết quả sẽ dẫn tới đâu? Không được. Ta cần xem lại chính sách của ta đã thi hành trước đây.

Nhìn xuống đình thần, Ngài nói:

— Các khanh: Từ lâu nay, ta không nghe các khanh phúc báo tình hình dân chúng cho ta biết rõ ràng. Vậy nên hôm nay, ta muốn cùng các khanh kiểm điểm lại mọi việc đã làm. Ta muốn sửa trị để dân chúng được an lạc. Tạm thời ta đình hoãn việc phê chuẩn đạo luật các khanh đệ lên ta hôm nay. Ta muốn gây nhân tốt vì các khanh hãy xem và suy nghiệm; Kia!...

Vua chỉ tay lên câu dạy của nhà đạo sĩ viết trên tấm liễn sơn son thiếp vàng:

— Làm việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả...

Sau đó, công việc tiến hành tốt đẹp. Các đạo luật khuyến hóa từ bỏ các tệ hại, sửa đổi lối cai trị của quan-lại được ban hành. Nhà nước yên vui, và phú cường...

Nhưng ở đời nào mà không có sự ganh ghét, Nhà vua được tán thán công đức, thì các quốc vương lân cận lo ngại. Họ âm mưu một cuộc hạ sát để mong chặn đứng uy tín của

vua đang lan tràn qua nước họ. Họ bỏ ra rất nhiều của để mua chuộc viên Ngự y thân tín của nhà vua.

Cơ hội đã đến. Vua lâm bệnh. Mọi việc sắp đặt đã xong. Chén thuốc trị bệnh cho vua đã hòa sẵn độc dược. Viên Ngự y sắp sửa bưng chén thuốc dâng lên vua. Ông ta quỳ xuống nâng chén thuốc lên. Nhưng trong lúc nhà vua giơ tay đón chén thuốc thì viên Ngự y vội vã la lên: **Hãy khoan!** Ông ta vừa đọc thấy giòng chữ: **làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả**, trên vành chén. Trong giây phút vừa qua nhanh chóng, viên Ngự y tưởng đến cái tội tày đình của y sẽ bị khám phá, đến cái ngày mà y và cả gia đình y bị trừng phạt giữa sự oán hờn ghê gớm của toàn thể dân chúng.

Vua hết sức kinh ngạc, tay ngài còn đang nắm chén thuốc trong lúc viên cận thần phản phúc sụp xuống thú tội. Mặt vua cau lại ghê gớm, Vua ném mạnh chén thuốc, và đứng dậy. Vua định rút thanh kiếm nhưng tay vua chùn lại, Vua vừa thoáng thấy giòng chữ: **làm việc gì, trước phải nghĩ đến kết quả**, khắc trên chuôi kiếm. Thế là viên Ngự y và cả bè đảng của y được giặc ngộ và khỏi tội chết sau hai tuần được cảm hóa bằng chính nghĩa...

Câu chuyện trong cung kín truyền ra nhanh chóng. Nội trong sáng hôm sau, dân chúng trong thành đều hay biết. Người ta tìm đến vị đạo sĩ nhưng đạo sĩ đã đi hành đạo phương xa. Chỉ còn lại trước cửa đền tám biển: **Ba trăm lạng bạc, một bài học**. Bài học của nhà đạo sĩ đáng giá ba trăm lạng bạc? Không! đâu chỉ có thế! Bài học đó còn cứu sống một ông vua, ngăn khỏi rơi đầu viên Ngự-y và bè đảng, bài học đó đã nâng cao đời sống của một nước. Ôi! nhiệm màu thay. lý **NHÂN-QUẢ**.

Đôi mắt xưa óng làn mây trắng

Đôi mắt nay mây chín vụn tầng

Những sao hoa đầy hài

Môi chìm trong đài sen

Sương thù - dương vương trùm dậm ải

Hương tình thương nương tìm trời mai

Ai về qua ngõ gió

Gửi chút tình thơm tho

Này đây trong chiếc khăn năm trước

Gói đủ hào quang của triệu ngày

Dâng về đêm rét lạnh

Mơn ử mắt niêm xanh

Đôi mắt xưa vẫn tròn tươi trong nắng

Chuốt thêm màu huyền diệu của Chân-Như.

Nhận - định

đề hành - động

HẦU hết những con người tư duy đều không công nhận đời hoàn toàn vui tươi hạnh-phúc. Đời có khổ, có vui mà xét kỹ vui cũng chẳng tìm đâu thấy. Muốn vui tìm chẳng được vui. Tránh khổ khổ vẫn đến. Người thế mơ màng như đi giữa trời sương khói. Một định mệnh mù quáng tàn độc nào đã gieo lên kiếp sống? hay thực tại là thế. Chỉ vì ta lần thân đi tìm nghĩa khổ vui. Hay sự trượng muôn đời vẫn ỳ ra như thế, truy tìm * làm gì, hoá cái làm sao được.

Thảo nào khi mới chôn nhau

Đã mang tiếng khóc bưng dẫu mà ra.

Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,

At bày trò bãi bề nương dẫu.

Trắng răng đến thuở bạc dẫu.

Từ sinh kinh cộ làm nau mấy lần.

Con người bị gãy gập dưới sức đè nén của định mệnh. Đó là những câu thơ hay tiếng than bất lực của muôn thuở?

Nhưng, dưới hoa hồng có gai, thì trên gai là hao hồng — Khôn khéo là người tránh được gai dề hái hoa — Còn mạnh bạo hơn là người liều cho gai châm. Khôn khéo chẳng mấy ai mà mạnh bạo chỉ là dục vọng đam mê lôi cuốn. Hạt gạo nằm trong vỏ trấu, ngọc trai dưới đáy biển, ngọc bích trong núi đá...

Là luận điệu đặt hai thái cực gần nhau. Tránh khổ, hưởng lạc hay chịu khổ để hưởng lạc càng nhiều càng hay, bất cứ cách nào, phương tiện gì, lạc thú nào cũng được, chỉ cần phải đạt lạc thú vị tha trên lạc thú vị kỷ, lạc thú tinh-thần trên lạc thú xác thịt. Lấy hưởng lạc làm cứu cánh, lịch-sử đã để ra một Aristippe de Cyrène và nhiều môn đệ khác nữa.

Một trào lưu tư-tưởng hiện đại gần như « thời trang triết-lý » của thanh niên là không nhìn nhận nghĩa khổ vui của cuộc đời. Nhìn đời bằng một khía cạnh nhận định khác. Không chấp nhận một nghĩa gì mà thời gian đã biến thành ước lệ. Ngồi trên chiếc ghế đá trong công viên nhìn cái rễ cây trước mặt mà không nhận ra là rễ cây. Người có hay rễ cây có? Người nhìn nó hay nó đang nhìn người? Rồi tất cả mờ ảo quay cuồng trong một thế-giới lạ lùng kỳ bí.

« Pierro di cosimo, đứng trước một bức tường bần thủ mà bao năm các bệnh nhân khắc nhò lên, đã thấy nơi đó một bầy ngựa và thành quách quái đản cũng những hình thù kỳ dị mà chưa ai thấy bao giờ... »

(Đ-H số 18 trang 132)

Hiện hữu là như thế. Sinh ra không để làm gì khác hơn là mang một thân xác thừa thãi, để sống chết. Đặt cuộc đời vào đối tượng mà không mặt cho nó được một ý nghĩa. Vì đem cho đời một nghĩa tức tự dựng một hàng rào ngăn cách, tự hóa đá trong khuôn chức vụ và lo âu (Donner un sens à sa vie, c'est se créer des barrières, c'est se pétrifier dans le moule de la carrière ou du souci — Albert camus, page 25). Đời chẳng có nghĩa gì cả, thế mà vẫn phải sống trong sự vô nghĩa của cuộc đời! (La vie n'a pas de sens, et pourtant il faut vivre — Albert camus, page 14). Đã mấy ai tìm được sự phản kháng

(la révolte) mà «thời trang triết lý» chỉ xô đẩy vào một cuộc sống bừa bãi.

Đời là một sự khổ cứng nhắc. Đời là một hỗn hợp một khổ vui. Đời là vô nghĩa.

Dù là cụ truyền, dù là phở biển, dù là thời trang, chưa phải lý do khiến được chấp nhận một cách giản dị.

Năm xưa lần đầu tiên đức Thích-Ca đã ba lượt dạo dò các đệ tử phải nhìn thực trạng cuộc đời bằng con mắt phân tích để xác định giá trị và áp dụng phương pháp bồ cứu. Cũng như phương pháp trị liệu của y khoa, viên thầy thuốc phải cẩn thận xem mạch nhận định tình trạng sức khỏe của thân chủ mình, bệnh như thế nào, vì sao, cần dùng thuốc nào. Đức Thích-Ca là vị lương y đã tuyên bố tình trạng cuộc đời là khổ. Lời dạy này không như tiếng than dài trong những vần thơ của Nguyễn Gia-Thiệu. Đời khổ vì không tìm đâu ra thú vui chân thật vĩnh viễn. Lạc thú làm sao được khi những khoái cảm chỉ hiện đến nhất thời, những giờ phút sung sướng chỉ không đầy giây lát. Mà lạc thú là gì? Phải chăng chỉ là cái gì tương đối ít đau khổ hơn thì được xem như một lạc thú. Hai cậu bé bị mẹ đánh, một cậu năm roi một cậu ba roi. Nói chung hai cậu cùng đau khổ với sự trừng phạt. Trong sự đau khổ, «cậu ba roi» là một lạc thú so với «cậu năm roi». Không nói, ngay đến cả trong lạc thú cũng có đau khổ. Hai cậu bé được mẹ cho ăn bánh, cậu ăn năm cái, cậu ăn ba cái. Cùng trong lạc thú, «cậu ăn ba» so với «cậu ăn năm» là một đau khổ! Lạc thú chỉ là đau khổ trá hình.

Trong viễn tượng ấy, con người vì không bằng lòng với cái hiện tại đang có, luôn phiêu lưu theo những ảo ảnh chấp

chờn, nhọc nhằn mê mải. Kẻ không đạt, thất vọng khổ đau. Người đạt thì lại chạy theo cái khác. Như người khát uống nước mặn, như ngọn lửa được thêm dầu. Đến khi mãn cuộc đời mà rùng mình cho dĩ vãng. Con thiêu thân vui ánh lửa đèn dề rã rời đôi cánh mỏng. Trong quá trình cuộc sống, dục lạc làm động cơ cho con người thực hiện đầy đủ câu nói của Okakura kakuzo: « Con người mười tuổi là một con vật, hai mươi tuổi là một thằng điên, ba mươi tuổi là một kẻ thất bại, bốn mươi tuổi là một đứa man trá và năm mươi tuổi là một tên phạm trọng tội ». Đại-dức Zadish kasyapa trong Le Dhamma du Buddha (Bản dịch ra Pháp-văn của bà La Fuente) đã ví cuộc đời như cái giường êm ái trên đó rắc đầy gai gốc — Kẻ nào muốn nằm trên gối nệm ấy cho được êm ái thì cũng đồng thời chịu gai gốc chích vào da thịt. Nhưng thế nhân là người bị voi rượt đang bám lưng lẳng vào chiếc rễ cây được năm giọt mật của bầy ong bay qua mà quên mọi sự hiểm nghèo đang rình rập.

Trước chân nghĩa của cuộc đời, những kẻ lưu tâm đã tìm nhiều giải thích. Người bảo rằng tự nhiên, kẻ cho là định mệnh người tin thần thánh. Theo Hồi-giáo thì do thần Allah định đoạt. Cơ-đốc giáo bảo rằng vì Adam phạm tội không nghe lời chúa. Đây, lời chúa pháp cùng Adam:

« Bởi vì mầy nghe lời vợ mà ăn trái tao cấm, thì đất sẽ bị chúc dữ vì tại mầy đã phạm, mầy phải làm việc nhọc nhằn, nó mới sinh ra cho đủ mà nuôi mầy mỗi ngày trong đời mầy. Nó sẽ sinh ra cho mầy những bụi bờ gai gốc, và mầy sẽ phải ăn cỏ ngoài đồng. Mầy phải đổ mồ hôi, chấy mày phỏng trán mới có bánh mà ăn, cho đến khi mầy trở về trong đất là giống dùng mà tạo sanh ra mầy... » (Nguyên văn trong Semaine religieuse . 7e année No 333 N. K. D. P Page 339)

Phật-giáo thì cho rằng sự khổ ở đời không phải tự nhiên sinh, không do định mệnh và phải nhận một đấng thần linh trọn lành mà cũng có tâm lý ái ố của thất tình đê thương ghét thương phạt. Sự khổ ở đời là bóng của hình là vang của tiếng, là hậu quả của ý-nghĩ, lời nói và việc làm không tốt đẹp trong quá khứ. Anh X ngày nay khổ sở, không nghề nuôi thân, không nơi cư ngụ mà còn mang tật bệnh không phải ai hình phạt anh cả. Chỉ vì ngày còn bé không kính trọng cha mẹ, không vâng lời thầy dạy, không thân yêu bè bạn. Một đứa trẻ sơ sinh què quặt tật nguyền. Đấng trọn lành chí tôn sao lại nỡ trao cho một số phận mà kẻ phàm phu thấy cũng phải thương tâm. Nó đã làm nên tội gì mà phạt nó? Theo đạo Phật là kết quả của những nghiệp nhân quá khứ. Trong cuộc sinh hoạt hàng ngày, những hành vi xấu dù nhỏ nhặt đến đâu cũng tích tập lại mỗi ngày một ít để hiện thành kết quả như cái trần nhà ám khói, như bìa vở trắng tinh mỗi ngày một ngả sang màu da người bệnh. Những tâm lý xấu xa những hành vi không tốt đẹp vì bị tham giận si mê kiêu căng ngạo mạn dắt dẫn mà trong đó dục vọng đóng vai trò chủ yếu. Phật dạy: « Chính vì dục vọng mà phải luân hồi và cứ chạy theo lạc thú giả dối ở đời mãi mãi ».

Dục vọng chạy theo lạc thú của cái hoa hồng, của chiếc giường êm ái. Đến khi chết, vật thể phân ly, tâm lý dục vọng dạt vào những nẻo đường cũ. Như khách yêu hoa tìm đến những hộp đèn để mua lấy sự hình phạt

Khờ đau sẽ chấm dứt khi dục vọng không còn nữa.

Đứng trước cái khổ đau to tát của kiếp sống, kẻ khiếp nhược kêu rên, người bất lực đành chịu, kẻ ỷ lại van vái thần linh...

... Trong kinh có câu : « Bồ-tát úy nhân, chúng sanh úy quả ». Chúng sanh thấy quả báo khổ đau thì hãi hùng vì không biết nguyên nhân. Trái lại bậc trí tuệ chỉ sợ tạo nghiệp, luôn lo dứt trừ dục vọng ác nhân, chuyển hướng hành động để hoá cái hiện tại và sửa soạn tương lai.

Vì lẽ đó, khác thể nhân, người tu đạo Phật luôn bình-tĩnh trước mọi sự gì xảy ra và cân nhắc trước khi hành động, cẩn thận giữ gìn ba nghiệp.

Người tu đạo Phật, hàng ngày giữ theo lời Phật dạy, nói năng hợp lẽ không dối trá, không nói lời bất hòa thù oán chia rẽ, gây khổ đau cho người. Lời nói đem lại tinh thân hữu hòa nhã ý nghĩa và lợi ích. Đi đôi với hành động theo thiện nghiệp, không làm tổn thương luân lý đạo-đức, giúp đời thực hiện cuộc sống tốt đẹp bằng cách thể chân chính. Không xu nịnh luông cúi đầu mưu sinh, không cho vay bấp chẹt kẻ khốn cùng, không cờ bạc đảng điểm, không bán ruy, thuốc độc, các chất ma túy và khí giới cùng làm nghề sát sinh. Người tu Phật tạo lấy một nghề nuôi sống chân chính. Ngay trong tư tưởng, trước tiên phải diệt trừ mọi ý tưởng xấu xa bại hoại. Tạo điều kiện để nảy nở tư tưởng đẹp phát triển và củng cố thiện chí mãi mãi không bao giờ chán nản thoái chí. Tâm hồn giữ định tĩnh, tập trung năng lực trí giác vào vấn đề khổ quả tập nhân. Trong đạo Phật dạy phương pháp đầu tiên để định tĩnh tâm hồn là phép đếm hơi thở. Phương-pháp này không những tập trung được trí lực mà còn điều hòa các cơ cấu vật lý và tác dụng sinh lý của cơ thể nữa. Từ đó, kẻ hành giả luôn đề tâm và nghĩ nhớ xét suy đạo lý bằng những đối tượng thực nghiệm để tạo nên một kiến thức đúng đắn trước cuộc đời và cuộc sống miên viễn. Kiến thức được hình thành qua những giai đoạn nhận định và hành động là cái biết thứ hai trong hai cái biết

« biết vậy » và « biết-thâm-nhập ». « Biết vậy » là sự hiểu biết thông thường, cái biết ước lệ chung của nhân loại từ muôn năm xưa. « Biết thâm-nhập » là kết quả của trí tuệ, của công dụng thiền na (dyâna).

Từ sự nhận định cuộc đời đưa đến hành động trên những nẻo đường chân chính, con người, kết quả sẽ không là con vật, không sinh dưới quyền lực thần linh, định mệnh ; con người không còn thốt nữa những vãn thơ đau thương, không còn là « người kia » ngồi trên ghế của công viên. Người sẽ không nằm trên giường đời, không bóc trấu lấy gạo, không tham hái hoa hồng, chẳng lặn bể mò trai, chẳng lên non tìm ngọc-bích, « cậu ba roi » chẳng sướng vui và « cậu ăn ba » không đau khổ nữa, người voi rượt không nếm mật ong, con thiêu thân sẽ vẹn toàn đôi cánh... Tỏa rộng vô cùng một cảnh sống yên bình tịch diệt, thời gian không tàn phá, không gian chẳng cách ngăn.

Lưỡi ngán của thể nhân sao cho đủ lời ca tụng. Chỉ khi con người nhận định và hành động đúng đạo lý mới đạt được trạng thái ấy. Sự diễn tả chỉ như những dấu hiệu mượn tượng. Ngộ tiểu như á nhân đắc mộng. Anh cầm nắm mộng thấy một cảnh giới ly kỳ đẹp đẽ, khi thức dậy hoa chân múa tay ú ớ cố làm cho mọi người cùng biết với mình. Những người chung quanh, người thì cười vô ý thức, người thì thương hại :

— Tội nghiệp, thằng ấy đã cầm mà lại diên nữa ! Các bậc thiện tri thức đem thiện đạo và cảnh Niết bàn giáo hóa chúng sinh thường bị đời coi là người cầm và diên. Nhận định và hành động dễ được trở nên như người cầm và diên kia.

Tôi nguyện tôi cùng mọi người đồng cầm diên.

THÍCH NGUYỄN-HỒNG
(Phật-Học-Viện Nha-Trang)

TIÊU DAO

Ai tìm thoát, thoát luân - hồi
Từ sinh nhào xuống ta chơi giữa dòng
Tìm không tìm ở không không
Bàn tay Đợi Nhật tung vòng thiên la
Nhào nhào xuống biển tình hà
Mỗi sao một đóa thần hoa Nát bàn
Vào sinh tử Giác viên toàn
Liạ nơi sinh tử Nát bàn hư không
Huyền là Giác Giác vô cùng
Tu Di Phật đĩnh nhô trong Cửu Hoàn
Bùn đã mọc đóa sen vàng
Pháp thân bùng cháy mệnh mang ba ngàn.

Thạch Trung-Già

TẠI SAO NGƯỜI TA TIN THEO ĐẠO PHẬT ?

★ THÀNH NGÔN

*« Nhân thân nan đắc,
Phật-pháp nan văn »*

Lời Đức Phật dạy.

NẾU không có cuộc sống tang thương, thì đã không có đạo Phật, Đạo Phật có mặt vì thế-gian và tồn tại cũng vì thế-gian. Sự mạng của Đạo Phật là làm vui bớt nỗi đau thương của mọi loài, hơn thế nữa, là hướng dẫn con người trong công việc kiến tạo một đời sống an vui trên nền tảng từ-bi và trí-tuệ.

Con người khi chào đời đã mang theo những sự bất mãn và thắc-mắc. Những bất-mãn và thắc-mắc ấy một khi chưa được giải quyết, thì bao nỗi khổ đau của kiếp người vẫn còn theo mãi ! Do đó, ngoài đời sống vật chất con người tìm đến luân-lý đạo - đức thích hợp với lòng mình để làm nơi an nghỉ tinh-thần.

LUÂN - LÝ ĐẠO - ĐỨC ẤY LÀ ĐẠO PHẬT

Nhưng với lý do nào làm cho Người ta tin theo Đạo Phật ? lý do có rất nhiều,

và cũng lắm điều phiền toái. Song không ngoài năm lý do chân xác sau đây :

1) Người ta tin theo đạo Phật, vì đạo Phật do đức Đại - Giác THÍCH-CA-MẦU-NI dựng nên, có một lịch-sử vĩ - đại và có một nền giáo-lý sâu rộng, thiết thực giúp con người mở mang trí-tuệ :

Vì Đại-Giác ngộ, nên sự thuyết giáo của Ngài chứa đựng trong ba tạng Kinh-diễn vô cùng phong-phú ! Nhưng có thể tạm chia ra hai phần dễ hiểu : một về lý-thuyết, một về thực-hành. Nói cách khác tri hành hiệp nhất, sự hiểu biết đi đôi với sự thực-hành. Chính đức Phật đã làm một cuộc chiến - đấu (nội-tâm và ngoại - cảnh) theo hai yếu-diểm « Bi và Trí » trong nhiều kiếp, cho đến phút cuối cùng thành Phật.

Vì lẽ ấy, nên về phương - diện thật hành Ngài chỉ cho con người thấy những tâm bệnh xấu - xa tội - lỗi, theo đó có một phương - pháp đối - trị, như kẻ hiểu - sát thì lấy phóng sinh để đối-trị chẳng hạn. Hơn nữa, tâm bệnh độc ác có vô số thì

phương-châm đối-trị cũng vô cùng, cao có thấp có tầng bậc nào cũng có thể tu được, nếu muốn. Và tu nhân gì sẽ đạt đến kết quả ấy, như thọ Tam - quy giữ ngũ - giới là tu nhân làm người (Nhân - thừa), thật hành mười điều thiện là tu nhân làm chúng - sinh ở các cảnh - giới trời (Thiên-thừa) tu bát-chánh-đạo, quán thập nhị nhân-duyên là tầng bậc của Thanh-văn và Duyên - giác (từ đây trở lên đã giải - thoát khỏi sanh tử luân - hồi), tu lục - độ vạn hạnh là tầng bậc của Bồ - Tát, và dần dần diệt sạch vô - minh tức thành Phật.

Vậy ta thấy đức Phật dạy phương pháp thật - hành đức-lý rất rõ ràng không phải là lối lập thuyết xô-bồ hay một ít tín điều nghèo nàn và khô khan... !

Về phương-diện lý-thuyết: Ngài dạy lý nhân - quả để con người ý-thức được giá-trị trong công việc làm của mình và tránh sự ỷ lại; Lý nhân duyên (trương sinh tương duyên hay trùng trùng duyên khởi) cho ta biết sự vật không phải ngẫu nhiên hay tự nhiên mà có, và cũng nó không phải là bị vật sinh; lý luân - hồi hồi cho ta rõ không phải chết rồi mất hẳn, cũng không phải giữ nguyên bản vị, nhờ lý này mà người Phật-tử hiểu được trước khi sinh mình vẫn có, và sau khi chết ta vẫn còn, nhưng theo nghiệp mà thọ sinh. Đạo-lý Tứ-Đế chỉ thẳng cái khổ của con

người là do con người tạo-tác, chứ không phải tiền định hay của kẻ khác để lại... Đồng thời muốn khỏi khổ đau, con người phải tu nhân giải - thoát — Bát - chánh - đạo. Như vậy người ta thấy nó phong-phú và thiết-thực biết bao !

Và nói đến đời đức Phật, Ngài là nhân - vật thật, có thật tu thật chứng. Con người thật bằng xương bằng thịt, không phải một nhân-vật tưởng - tượng do một nhóm người bịa ra để gạt tín đồ. Thế nên người Phật-tử tin chắc mình sẽ thành Phật, vì đức Phật là người mà đã thành Phật. Nếu Ngài không phải là người thì hàng Phật-tử không tu chi cho nhọc, vì việc làm ấy không phải việc làm của con người. Việc làm đó của kẻ xuất quý nhập thần, đi khi nào không ai biết, đến lúc nào không ai hay có khác chi trò ảo thuật — một việc làm giả - tạo. Do đó người Phật - tử nhìn trên lịch-sử nhân-loại chưa có một nhân vật thứ hai nào như đức THÍCH-CA. Và Phật - tử tôn thờ Ngài cũng chỉ vì những lý-do nói trên, ngoài ra không còn cái gì có ý - nghĩa hơn nữa.

2) Người ta tin theo Đạo Phật, vì Đạo Phật là Đạo Từ-Bi bình-đẳng :

Đời càng đau khổ bao nhiêu,

thì tình thương càng có bấy nhiêu. Song tình thương đặt trên phương diện nào? Phổ - quát hay Phiến - diện? Lòng Từ - bi thực - hiện trên sự bình - đẳng, là « cho vui và cứu khổ » trong tinh - thần không bờ - bến. Tình thương ấy nhờ có trí - tuệ, nên khác với các triết học tôn - giáo của Ấn - Độ thời bấy giờ, theo họ quan niệm con người từ Một mà là Hai. Nhưng Đạo Phật lại nhìn nhận Hai mà là Một, nghĩa là giữa người và người tuy khác nhau về mặt vật - chất cũng như tư - tưởng, song đồng ở chỗ muốn sống còn, muốn tự - do sung - sướng; chán ghét đau khổ, bất công và bom đạn! Điều ấy không ai bảo ai mà muốn người như một, nhất là ham sống và sợ chết, cả đến loài vật cũng thế. Và điều tối yếu của người theo Đạo Phật là mình sẽ được làm Phật tương - lai. Bình - đẳng về phần đức lý này mới cao thượng và thật sự. Chính Đức Phật đã dạy « Hết thầy chúng - sinh đều có khả - năng thành Phật! »

Thế lòng Từ - Bi của Đạo Phật thực - hiện một cách phổ quát, trên phạm - vi luân - lý cũng như trên phương diện đức - lý.

3) Người ta tin theo Đạo Phật, vì Đạo Phật là Đạo chung của nhân loại nên nó đã tồn tại trên

25 thế kỷ, và cũng là tiếp - tục theo một Đạo giáo do tổ - tiên để lại.

Như trên đã nói, một Đạo giáo mà mạng sống được triệt để tôn - trọng bảo sao không phải là Đạo chung của nhân - loại. Thế nên không những nó tồn tại từ trước đến nay, mà cần phải có mặt mãi mãi với nhân - loại! Hay nói cách khác nhân - loại còn là Đạo Phật còn. Thật vậy, một Đạo giáo bảo - tồn lễ sống được đặt trong giới luật đầu tiên, giới bất sát của Đạo Phật đối với nhân loại ngày nay không còn là xa lạ nữa! Mà nó là điều tối thiết của nhân loại hiện giờ, nên Ông NEHRU Chủ - Tịch Hòa - Bình thế - giới đã nói : « Nhân - loại ngày nay sẽ chọn một trong hai con đường : một là nguyên tử và khinh - khí là con đường diệt vong ; một nữa là lòng Từ - bi của Đạo Phật là con đường sống còn ». Thật vậy, nhân - loại ngày nay đang và sẽ đi trên con đường thứ hai, nếu không sao họ kêu gọi hòa - bình? Vì lẽ ấy mà tổ - tiên ta giữ - gìn nó làm món ăn tinh - thần. Món ăn ấy là nòng cốt cho sự sống còn của con người, nên chẳng những chúng ta tiếp tục thật hành mà còn phải làm thế nào cho con cháu sau này đừng lãng quên viên ngọc quý báu đã bao đời để lại, Mất nó, coi như sự sống không còn nữa!

4) Người ta tin theo Đạo Phật, vì Đạo Phật truyền qua các nước cũng như đến Việt-Nam ta giữ đúng tinh-thần chân-chánh của Đạo. Đồng thời còn góp phần cho nền văn-hóa dân-tộc, và còn thích hợp với tâm hồn người Việt :

Đã là Đạo giáo, đương nhiên dạy con người những lời hay lẽ phải, bỏ ác làm lành, thương người cứu vật. Đạo Phật sở dĩ được tồn tại và còn tồn tại mãi vì đã đáp trúng chỗ mong muốn hoài bão của con người là từ-bi và bình-dẳng. Qua muôn đời, muôn xứ muôn phương, người Phật-tử vẫn giữ đúng tinh-thần Phật dạy là giữ giới (5 giới) ăn chay, (nhìn nếp sống của người Phật-tử chân-chính hiện tại) không vì tập quán riêng của mỗi dân-tộc mà thay đổi. Nhưng về phương tiện thì có muôn ngàn nên dung hòa được tất cả. Nhờ giữ vững điều căn bản của Đạo đồng thời biết tùy duyên nên Đạo Phật đến với dân-tộc nào cũng được chấp nhận.

Ngoài ra, Đạo Phật không những dạy con người Phật-tử về Đạo-đức thực-tiên, mà còn bồi bổ cho nền văn-hóa dân-tộc như lối kiến-trúc Chùa, tháp... Về văn-học thì nó đã ăn sâu trong ca-dao tục-ngữ, và văn-chương như :

• Lên chùa thấy Phật muốn tu,

về nhà thấy mẹ công phu chưa đến »

Người ta đã nhận thấy cuộc sống đầy tội lỗi muốn đi tu nhưng còn chữ hiếu chưa trả xong. Do đó mà họ phải trở về nuôi dưỡng mẹ già cho trọn Đạo làm con, vì Đạo-Phật không bao giờ dạy người tu Phật bỏ ông bà cha mẹ. Và nhất là về thuyết nghiệp-nhân quả báo được truyền tụng qua cửa miệng người dân, như trong gia-đình cha mẹ thường dạy con cháu : « đừng làm đổ tháo cơm nước mà sau phải làm thân gà vịt... » hay : « đừng hành hạ chó mèo mà sau mang quả báo đày con ».

Một tác động luân-lý nhỏ như hột cơm và sự đối xử với gia-súc mà người ta còn ý thức được tội phước, huống nữa là những tội lỗi to tát người ta càng tránh và tránh xa !

Không những thế, mà còn ảnh hưởng đến thi thơ như thi-sĩ Nguyễn Du đã nói trong truyện Kiều.

*« Đũa mang lấy nghiệp vào thân,
« Cũng đừng trách lẫn trời gần
trời xa ! »*

và thi-sĩ còn bảo việc làm phải hay quấy là tại lòng người quyết định không phải tại ai, nghĩa là

con người tự quyết định cho con người.

« Thiện căn ở tại lòng ta,

« Chử tâm kia mới bằng ba chử tài »

Hay trong Cung-oán Ngâm khúc của Ô-Như-Hậu, cũng nói đến nhân quả :

« Hân tức trái làm sao đặng tả ?

*« Hay tiền nhân hậu quả xưa
kia ? »*

Hơn thế nữa, Người Việt-Nam có một ý thức hệ trong việc sống chết, (mặc dù có kẻ chưa theo Đạo-Phật) nên người ta thận trọng việc làm lời nói. Họ còn bảo : « ăn ở có đức đề sau con cháu được nhờ ». Đành rằng cũng có lắm kẻ gian-ác, và quan niệm như vậy chưa đúng hẳn với thuyết nhân quả của Đạo - Phật, nhưng cũng đã ý thức được tội phước và trách nhiệm của mình một phần nào ! Do đó mà Đạo - Phật đến Việt-Nam được dân-tộc ta đón nhận, khác nào con bệnh gặp lương y.

Ngoài ra, lý nhân quả còn cho người ta biết kết quả hiện tại cũng như sự tạo nhân trong đời này là do họ. Có thể việc làm của con người mới có giá-trị, nghĩa là có tạo nhân có hưởng quả. Hiểu như vậy rồi người theo Đạo-Phật mới cố gắng tránh điều giữ và tích cực làm việc lành, vì việc làm ấy nó không có

tý gì phản lại lý trí của họ. Ngược lại, nó làm sáng tỏ thêm cho lý trí và hành động của họ. Những việc khổ đau trong đời sống, họ không bao giờ oán trách hay đổ nợ cho ai, biết đó là cộng nghiệp. (một số đông) và biệt-nghiệp (từng cá-nhân) gây nên ; cùng nhau tạo nhân, cùng nhau hưởng quả, tự mình thưởng phạt lấy mình ! Hiểu như thế rồi, họ lại bảo nhau hiện tại cần phải kiến-thiết những nhân tốt đẹp, để tương lai những hưởng quả tốt lành, và cố nhiên khi nào có ăn mới no.

5) Người ta tin theo Đạo-Phật, vì Đạo-Phật từ lý-thuyết đến thực-hành, cũng như trong lịch-sử truyền bá đều hàm chứa tinh thần hòa-bình, nên có thể đáp lại lòng khát vọng hòa-bình của nhân loại ngày nay, và Đạo-Phật không ủng hộ giai cấp đề thống trị giai cấp.

Ba tạng Kinh-diễn của Đạo-Phật là bức gương trung thành phản chiếu tất cả việc làm trong đời Đức THÍCH-CÁ. Vì vậy, sau Ngài nhập Niết-Bàn hàng Thánh Tăng vượt thuyền qua sông Hằng, trèo qua Hy-mã Lạp-Son, đem Đạo-Vàng soi sáng khắp nơi để nhân loại được nhờ. Lịch-sử truyền-bá của Đạo-Phật qua các nước Đông, Tây muôn nhà con Phật màu da chủng-tộc khác nhau, ngôn-ngữ tư-tưởng và luân-lý khác nhau thế mà không có một điều gì làm hoen-ố Đạo-Vàng Chí

vì lòng Từ-Bi được thực hiện trên lý bình-dăng.

Hiện giờ, một người cũng như hàng triệu người, một nước như hàng trăm nước, không ai không rung mình sự chiến-tranh, nhất là sau khi hai trái bom Nguyên-tử nổ ở đất Phù-Tang, nhân-loại đã giết nầy mình « vật chất trở lại làm chủ con người, muốn để con người sống thì sống hay bóp chết đành chết vậy ». Vì lẽ ấy nhân-loại đã đồng thanh kêu gọi « Hòa-bình », nếu hòa bình không thực hiện được, chẳng những công-trình kiến-thiết vĩ đại bị chôn vùi theo sức nóng của nguyên-tử, kinh-khí, mà cả đến loài người, cũng bị nó ăn tươi nuốt sống một cách tàn nhẫn. Người ta lo cho trang lịch-sử nhân-loại trong thế-kỷ 20 này sẽ nhuộm đỏ máu và khói bom; mùi tanh và khét sẽ xông lên tận các vì tinh tú. Và chừng ấy linh hồn nhân loại sẽ chạy đến một thế giới khác, cuộc hành trình này toàn là những người tật nguyên (nếu chiến-tranh không thôi).

Ai không muốn sống, không muốn kéo dài cuộc sống được phút nào càng mừng phút ấy, nhỏ như con kiến mà nó còn biết tìm lẽ sống hưởng nữa con người! Nên hiện giờ con người lưỡng lự, họ bảo :

Chạy theo khoa học thì sướng đấy, nhưng khác nào một tên tử tù được ăn bữa cơm ngon cuối cùng để rồi chết, vì rằng khoa học thiếu con tim. Do đó, nhân loại đi về nơi có con tim để an-ủi tinh-thần (một con tim thật không phải con tim giả tạo). Con tim ấy cùng với con tim nhân loại không phải là hai, vì nó bảo phải trả lẽ sống cho kẻ muốn sống kia mà! Có thể, một cũng như muôn triệu người tuy rằng khác mặt nhưng đồng lòng tha chết cho nhau, họa-hoảng mới dập tắt được ngòi nguyên-tử, kinh-khí. Nếu không như vậy, thì dù có u.ững con người khụt ra khỏi nói ra lửa biến hóa vô cùng đi nữa cũng, bị chết quay theo sức nóng của Bom (nếu kẻ ấy có thật). Vì lẽ đó mà lòng từ-bi của Đạo-Phật hiện giờ đã cố gắng cho nhân-loại trong cuộc hòa bình không phải ít!

Hơn nữa, Đạo Phật là Đạo chung của nhân-loại như trong phần ba đã nói, nhiệm-vụ nó là hàn gắn vết thương lòng của nhân-loại đang bị sức mê. Chính đức Giáo-chủ của Đạo-Phật đã phá bằng các giai cấp ở Ấn-Độ hiện thời. Ngài bảo « con người khi sinh ra không ai trang theo một giai cấp nào cả, có chăng do con người bịa ra để thống trị lẫn nhau ». Bởi lẽ ấy, mà sự tương tàn tương

sát cứ kéo dài mãi, không ngoài giai cấp đấu tranh — mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết. Ngược lại, Đạo Phật phải đóng vai trò là làm vơi bớt nỗi đau thương ấy, bắt một nhịp cầu thông cảm giữa đôi bên để xóa bỏ thành kiến do một số người bất hảo, đầu cơ gây nên. Và làm cho kẻ gây hấn dẹp bớt lòng tham lam hiếu sát. Hơn thế nữa, Đạo Phật lấy Từ-Bi làm mục đích, không phải dùng bạo lực để bắt họ theo mình. đã vậy, người thừa hành không bao giờ được lợi dụng làm việc riêng tây để thao túng nó, và Đạo-Phật chỉ có bốn phận đưa con người đi trên con đường đạo đức để tiến đến thành Phật. Theo lời Phật dạy « con người dù ở giai cấp nào cũng có khả năng hướng thiện » Giá trị con người ở chỗ có đạo đức chứ không phải bằng vào sự thông minh hay thiếu học, giàu sang hay nghèo hèn.

Vậy Đạo Phật không thấy có giai cấp trên mặt đạo đức. Trái lại, Đạo Phật xem mọi người đều bình đẳng,

nghĩa là « tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật ».

Tóm lại, người ta theo Đạo Phật với ý nghĩa :

Nhân-loại muốn sống còn, mà Đạo Phật là Đạo tôn trọng sự sống từ người cho đến vật, do đó người ta theo Đạo Phật. Và Đạo Phật tôn trọng lý-trí, chứ không phải đưa họ vào chỗ mê tín, bắt buộc phải tin mà không có quyền nghi. Trái lại, Đạo - Phật bảo họ phải đem lý-trí phán đoán, suy xét rồi mới tin. Và giáo lý của Đạo-Phật không có một tí nào hoang đường (xin gạt bỏ thành kiến, đem lý-trí ra mà xét). Ngược lại nói như sự thật, nghĩa là sự vật thế nào, Đức Phật nói thế ấy, không thêm không bớt; đồng thời ai muốn giải thoát, tự mình phải giữ giới luật.

Có thể, con người mới được gọi là động vật thượng đẳng đủ lý-trí và năng lực kiến tạo cho mình một nhân cách hoàn mỹ.

★ *L. T. S. Mong Tác-giả cho chúng tôi biết địa chỉ.*

TIẾNG CHUÔNG KHUYA

Mục Nhi-Đồng của THÍCH-NỮ THÈ-QUÁN

*Bởi giấc mơ Tiên (1) con lơ say
Lòng con mến Phật tự bao ngày
Đêm nay chuông gọi hồn con tỉnh
Phải sạch trần-ai con đến đây.*

ĐIỆU NGỘ ơi! dậy dậy, chuông đánh rồi... chà ngủ như chết. Ni chuông đánh điệu không dậy, mai qui hương đừng trách nghe. Dậy đi, dậy. Chao ôi nặng như cối đá có trời mà xeo dậy nổi...

Tiếng điệu Hiền trong liêu vọng ra như đê phân búa cái bắt lực của mình trước giấc ngủ say sưa của điệu Ngộ.

Tôi sửa soạn đi tụng kinh, nghe i-óe lại phải vào can thiệp.

Điệu Ngộ nằm cong như con sùng, đầu gối lên cánh tay mấp tròn mũn-mĩm, bộ đồ nâu củ rách vai lòi ra một đường thịt trắng phều, một nhóm trần lao (2) còn lưu lại xóa lờ thơ lên cái trán thông minh, thỉnh thoảng, miệng điệu nhai nhai trông ngây thơ lại càng thơ ngây, nhìn điệu bỗng tôi truy niệm ngày tôi còn nhỏ cũng tuổi này cũng giờ này đây, thân mẫu tôi đặt đầu tôi gối lên tay người, người thoa nhẹ vào tôi: ngủ đi con, ngủ đi chóng ngoan mạ thương... Giờ đây điệu Ngộ cũng gần ấy tuổi, nghĩa là cái tuổi mới lên 6 7 mà đã xa cha mẹ, lìa quê hương, lên ở đầu non góc núi, mà tiền đồ thì man-mác quá... lòng tôi tự nhiên tràn ngập một niềm thương lắng lại lên những người tu-hành còn non trẻ. Tôi sực nhớ bốn câu kệ của đức Phật tán thán người xuất gia khi cầu thọ giới quý trước Tam-Bảo:

(1) Mơ Tiên: cảnh phú quý.

(2) Cái vá — trần lao: đức Phật ví dụ: phiền não của chúng sanh nhiều như vi trần như tóc trên đầu.

Thiện tại đại trượng phu
Năng liễu thế vô thường
Khí tục thú nê-hoàn
Hy hữu nan tư nghị (1)

Thật thế, nếu không phải là bậc đại trượng phu thì nội một cái thiếu ăn thiếu ngủ cứ thiên trường địa cửu này, cũng không thể làm được vậy.

Nhưng tiếng chuông khuya lại ngân nga như thúc hối giục dã, thương thì thương tôi cũng không biết làm thế nào hơn là cúi ằm điếu lên: con ơi chuông đánh, ngồi dậy chóng ngoan hết chuông cô cho ngủ lại.

Thỉnh thoảng lại có một cuộc tấn công như thế, chỉ có những đêm nào điếu gói trọn mình trong tấm mền già là tiện cho điếu Hiền quá, về Hiền chỉ việc nạy cả đồng mền lên rồi dựng vào tường là êm.

Hôm sau hai điếu ngồi nhỏ cỏ trước sân, Hiền bảo: chà cỏ nhiều quá, biết rằng chừ cho hết cả hè.

Ngộ nhanh nhẹn: bữa trước sư cô dạy: «răng chừ lòng mình hết sân si, thì lòng sân hết cỏ, vậy chị đừng sân si với em nữa thì đất hết cỏ liền.

— Chị sân si chi với điếu mô nà?

— Thì chị nhểc em nặng như cối đá đó.

— À nghe chuông mà không ngồi dậy, cứ nằm dài ra thì kiếp sau làm rắn nữa, chừ cối đá...

— Thì tại em không nghe chừ, còn chị, chị ngồi dậy mà không chịu niệm Phật cứ quẩn mền lại ngồi khom-khom ngáy khô khô, thì kiếp sau chị làm cóc, chị làm cóc em làm rắn em nuốt chị đã.

Thế là Ngộ đứng dậy trợn mắt lòi tròng trắng há miệng lè lưỡi, hai tay dơ cao chụp Hiền, Hiền hét ré lên rồi ù

(1) Tạm dịch: quý hóa thay người đại trượng phu, chỉ có người đại trượng phu mới biết được đời là vô thường nên mạnh mẽ đoạn trừ tất cả những gì vô thường ở đời, đề cầu đạo giải thoát, người ấy thật ít có trên đời vậy.

chạy. Ngộ cứ thế đuổi theo... trước thảo am chỉ có một cái sân rộng bằng 2 chiếc chiếu, chiếu nào hai điệu cũng ra nhỏ cỏ, nhưng cứ nhỏ được 6, 7 cây chi đó thì lại nổi lên một cuộc lý luận đại khái như thế, Hiền tuy lớn hơn Ngộ vài tuổi nhưng được cái thật thà và cũng hiền. Ngộ thì thông minh mà lý sự quạt mo lăm. Nên cứ trận chiến tranh nào nổi lên Ngộ cũng đuổi Hiền chạy, rồi chạy thẳng ra cây trướng-cá hoặc cây ổi mới đình chiến, nên lòng trẻ thì ngày nào cũng mọc lùn phún vài đám cỏ sân si, mà lòng sân thì không sao sạch cỏ được. Nhiều khi tôi phải đánh đồng dẹp bắc hoặc ly dị hai điệu ra hai nơi mới yên.

Tối nay sau thời tịnh niệm xong tôi cho cả chúng nghỉ học để nghe kể mẩu chuyện đạo. Và cũng để giáo hóa điệu Ngộ luôn thể. Trước khi sắp kể chuyện tôi hỏi: khi chiếu có đương tụng kinh ai hét và đuổi nhau chạy thịch thịch thế? Ngộ và Hiền sợ tái mặt, rồi một điệu đứng lên chấp tay kể lại đầu đuôi...

Tôi bảo: Người tu hành nghe chuông mà không ngồi dậy niệm Phật hoặc học hành chi, như thế tỏ ra tương biếng nhác. Các con không nhớ đức Phật dạy người tu hành một đêm chia làm ba thời: đầu đêm niệm Phật, giữa đêm ngủ nghỉ, cuối đêm tụng kinh... tức là vào lúc 3,4 giờ khuya là lúc tâm hồn minh-mẫn cảnh trí thanh tịnh nên học để nhớ, trì kinh niệm Phật để thông-cảm. Và lại tiếng chuông khuya là để nhắc-nhở thức-tỉnh kêu gọi chúng-sanh, chúng sanh đang triền-miên trong giấc ngủ vô-minh, người ly trần phải tỉnh, mình có tỉnh mới độ được người mê chứ. Các con tuy còn nhỏ song đã phát tâm vào chùa, như thế cũng được đức Phật tán thán cho dự vào hàng đại trượng phu đấy, nên phải tập giữ tánh thành đừng ham mê một việc gì, dù là giấc ngủ đương ngon. Các con cần phải tỉnh tấn mới khỏi phụ sơ tâm mong cầu đạo giải-thoát, phải tỉnh-tấn mới mong ăn khớp với đạo được. Các con có thấy mấy anh chị học sanh, họ

chỉ mong với thành công danh trong một đời, mà cũng phải thức khuya dậy sớm mới có ngày thành ông Giáo-sư nọ, bà Bác sĩ kia, chứ có ai ăn no ngủ kỹ mà thành danh phận đâu. Huống chi các con ngày nào cũng nguyện thành Phật độ chúng sanh kia mà. Điều ngộ lại còn một tội孽 chị Hiền là cóc và đòi nuốt chị Hiền nữa, con dám nói lời thô, lại không sợ quả báo như thế con có thấy lỗi không? Hừ điều của cô mà sau thành rắn thành cóc để ăn nuốt lẫn nhau thì có buồn biết mấy.

Điều Ngộ sợ hãi rơm rớm nước mắt chấp tay bạch sư cô cho con đi sám hối. Con trót dại nói lỡ xin sư cô tha cho con -- thế là điều riu riu đi mặc áo rộng thui thui một mình lên chánh điện, trong lúc cả chúng sắp được nghe tôi kể những mẩu chuyện vui, điều sám hối xong. Câu chuyện tôi kể cũng vừa chấm dứt Ngộ xuống sám hối tôi, rồi rén rén đến bên điều Hiền nói nhỏ: Chị Hiền ra đây cho em sám hối, lần sau em không dám nói lời thô dữ nữa, cả chúng đều cảm động, tôi nhớ trong Thủy-sám đức Phật dạy có hai hạng người đáng quý một là người biết sợ tội lỗi không dám gây ra, hai là người có lỗi mà biết ăn năn sám hối vậy. Chiều hôm sau Ngộ và Hiền lại ra sân nhỏ cỏ, nhưng vì mới ký hiệp ước hòa bình hôm qua nên bữa nay hai chị vừa làm cỏ vừa thủ thỉ bên nhau, khi tiếng chuông nghỉ chấp tác (1) Ngộ đứng dậy nhìn quanh rồi bảo Hiền: chị Hiền ơi, bữa nì hai đứa mình hết sân si thì sân hết cỏ liền chị thấy không? Sư cô dạy đúng ghê chị hý, nói xong Ngộ đến bên Hiền vui vẻ: khuya nay hễ đồng hồ reo, chị thức em dậy liền nhé, phiên em đánh chuông đấy, khuya nì em nguyện thành Phật em độ chị Hiền nhé.

Hiền hóm hỉnh: chị dậy trước để thức điều tức là chị tỉnh trước mà điều còn mê thì làm sao điều độ chị được?

Ngộ lúng túng nhưng cũng cứ lý sự quạt mo: à rửa mà em độ được mi ngủ chơ.

(1) Nghỉ làm việc.

BÊN SÔNG

Mây thu chớp nhẹ cánh thu - hồng
Hắt ánh tà - huy trắng mặt sông.
Đào - đục sóng lau vờn ngọn bắp . . .
Đội đồ lạng - lẽ bóng Sư ông.

BÊN TRÚC

Giã đã tàn xuân khóm hải - đòng,
Cành xanh ru khe bóng tà - đong . . .
Đôi lòng thiếu - nữ vui bên trúc,
Lo lụa tà bay trận gió hương . . .

Quách - Tấn

Trích trong Lá - Mã - Tiên tập
thơ tứ tuyệt chưa xuất - bản.

TỜ GIẤY GỌI

Ở cuối lớp vọng lên những tiếng cười khúc - khích nho nhỏ của mấy cậu học sinh tinh-nghịch khi ông Giám-thị vừa bước chân vào. Chúng đoán không sai — hôm nay đã hai mươi tây — Ông Giám-thị vào các lớp là... Gọi mấy cậu học sinh chưa nộp học-phi đến văn-phòng. Giáo-sư quốc-văn đang giảng một đoạn văn của Nhất-Linh cũng ngừng lại. Lớp học im bật. Một vài gương mặt ngây-thơ của tuổi niên thiếu đã tái nhợt, lộ vẻ lo-âu, chúng hồi-hộp chờ đợi đọc đến tên mình. Tim Hùng đập quá nhanh vì Hùng cũng là một trong những học sinh chưa thanh-toán xong học-phi. Mắt cậu ta rung rung hình như muốn khóc. Hùng đã nhận giấy báo nộp học-phi từ năm hôm trước nhưng không giám trình lại với cha cậu, cậu biết rằng làm như vậy chỉ gây thêm sự lo-âu phiền-muộn cho người cha quý mến ấy thôi. Một tuần qua, mưa liên-miên, cha Hùng phải ở nhà, không một ai thuê cước đất, làm vườn gì cả.

Cậu định giấu cha mẹ, nghỉ học, rồi ngày ngày đến nhà bạn chép lại bài vở. Nhưng làm sao hiểu được bài nếu không nghe lời giảng của thầy!...

Sáng nay ông Bá cho người sang gọi bác Hai — Cha của Hùng — qua sửa lại hàng giậu xiêu đổ sau mấy ngày mưa gió. Hùng mừng thầm và định bụng chiều nay đi học về sẽ trình tờ giấy báo nộp học-phi cho cha cậu hay...

Cả lớp đứng dậy, ông Giám-thị bước ra. Hùng ngơ-ngác vì ham nghĩ ngợi đầu đầu, không nghe kỹ ông Giám-thị đọc tên những ai. Cậu cũng không nghe gọi đến tên cậu nữa.

Hay... sáng nay bác Hai đã đến văn-phòng xin hẹn trước khi đến làm cho ông Bá?

Học sinh đã ngồi xuống. Giáo-sư tiếp-tục giảng bài. Nhưng Hùng

vấn ngờ - ngạc. Bắc giác thầy gọi Hùng và hỏi :

— Nhất-Linh mất năm nào ?

Hùng ngập ngừng đáp :

— Dạ... thưa thầy... Nhất-Linh... mất năm... một ngàn chín trăm... lẻ năm.

Cả lớp cười rầm lên. Giáo-sư dụ dằng mời Hùng ngồi xuống... Nhìn theo ngời bút cậu thấy Giáo-sư khoanh hai vòng tròn nhỏ nhỏ ở sò.

Hùng cảm thấy hồ-thẹn và không hiểu sao khi ấy mình ngu dốt và mất tinh-thần đến thế. Nhất-Linh còn sống kia mà !

Chiều nay, sau buổi học Hùng trở về nhà với bao nhiêu niềm hy-vọng. Cha Hùng làm hai ngày công là có thù cho cậu đóng học-phi vì cậu đã được nhà trường giảm cho một nửa.

Trời đã chập choạng tối, trong nhà vắng-lặng-lẽ, chưa lên đèn. Mẹ Hùng bế đứa con nhỏ ngồi ở hiên vồn vã và âu-yếm bảo Hùng : « Hùng ơi, con chạy sang nhà ông Bá xem thử sao giờ này mà cha con chưa về ». Hùng buồn bã lưỡng

lự rồi giả vờ chưa nghe lời mẹ nói. Không phải Hùng bướng-bỉnh nhưng Hùng không muốn qua bên ấy để phải gặp Đức, con ông Bá, bạn học cùng lớp với Hùng. Hùng là một thiếu-niên rất giàu tự-ái. Mặc dầu ở lớp cậu ngồi kề bên Đức nhưng không bao giờ kết bạn. Hùng cũng không cho một ai biết đến hoàn-cảnh mình.

Bà mẹ thúc giục mãi, cậu phải miễn cưỡng ra đi.

Đến-ngõ nhà ông Bá Hùng nghe có tiếng cãi vã ồn ào. Hồi hộp cậu chạy nhanh vào sân, bỗng cậu dừng lại sau hàng giậu...

Cái chậu sành xưa nước men xanh bóng đã vỡ thành ba mảnh nằm nghiêng ngửa giữa sân gạch cùng với đồng đất tung toé. Bên cạnh đó cây mai nhỏ uốn hình con rồng, trúc gốc nằm kènh ra bên mấy chậu lan. Ông Bá quát tháo dữ-dội. Hùng cố gắng nghe nhưng không rõ chỉ nghe được mấy câu :

— ... Thập đước tìm cũng không ra cái chậu xưa ấy... Ba trăm bạc đã chắc gì ai để lại cho.

— Thôi Ông, người ta lỡ tay thì sao bây giờ. Bà Bá ôn tồn an ủi chồng.

— Cái chậu đã dành, chứ công trình uốn nắn ngày đêm suốt ba năm nay mới có được cây mai tứ thời hình rồng ấy. Bây giờ nó long gốc làm sao có thể sống được...

Hùng cố ý đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm một hồi lâu mới thấy cha cậu đang khép nép lặng thinh bên gốc cây ngọc-lan, môi bác ta mấp-máy luôn như muốn nói điều gì mà không sao nói ra được. Thằng Đức về mặt buồn buồn đứng bên mẹ nó trân-tráo nhìn cây mai quý giá kia.

— Cụ làm sao tìm cho ra cái chậu như vậy để thế vào đó cho tôi chứ không nói lời thôi gì cả — giọng ông Bá quát to lên.

Hùng đã òa khóc, sợ trong nhà nghe tiếng — nhất là thằng Đức — Hùng cầm đầu chạy về, nước mắt ràn rụa cả mặt mày.

Mẹ Hùng hốt hoảng hỏi nhưng Hùng chỉ không, không đáp. Bà Hai vội bế con tung chạy. Hùng kêu giặc lại:

— Mẹ... mẹ... con bị vấp ngã đau quá nên con khóc chứ không có gì cả... nhưng chừ cũng đã hết đau rồi. Ba con đang về sau.

Bao nhiêu hy vọng của Hùng đã tan biến. Hôm nay cha Hùng đi làm đã không có tiền đem về lại còn phải qua làm cho ông Bá mấy ngày công nữa để đền cái chậu kia, đó là nhờ lòng nhân-từ của bà Bá nên bác Hai được đền phần nửa.

Sáng hôm sau Hùng định không đến trường. Và như vậy cậu sẽ được thêm "con số không" nếu được Giáo-sư Quốc-văn gọi Hùng lên trình bày bài soạn, vì theo kỷ luật nhà trường: nếu [Giáo sư gọi học sinh nào đọc bài hay trình bày bài soạn mà học sinh đó vắng mặt không có lý do ác phải bị "số không"

Lâu nay Hùng chỉ có phương tiện đọc nhất đề an-ủi cha mẹ Hùng là mang về bản danh dự hằng tháng... còn một tuần nữa nhà trường sẽ cộng sò. Hôm nay có giờ cò-văn, Hùng đã soạn bài kỹ lưỡng, nếu đi học cậu sẽ tình nguyện lên trình bày bài soạn, như vậy sẽ được bù lại "số không" hôm qua, hy vọng cuối tháng vẫn được đứng cao như mọi khi. Những nét tươi vui trên gương mặt cần cù gian khổ của bác Hai mỗi khi Hùng mang bản danh dự về đã hiện lại trong trí Hùng. Bác Hai sống một cuộc đời nghèo nàn cực khổ nhưng bao giờ cũng thương mến con, lo

cho tương lai của con. Hơn nữa Hùng là đứa con trai độc nhất của vợ chồng bác. Bác không muốn ngày sau Hùng phải cực khổ như bác hiện thời. Bao nhiêu hy vọng bác đã đặt cả vào Hùng, một người con ngoan ngoãn, một người học sinh cần mẫn siêng năng.

Nắng đã lên. Muôn chim hòa tấu những điệu nhạc tưng bừng. Ngàn cây xanh vươn mình éo - là trong gió sớm của mùa thu. Ngoài đường từng tốp học sinh lũ-lược kéo nhau đi, họ hớn - hờ chuyện trò luyện-thuyên các cậu bé tung tăng đùa-giỡn.

Nhưag hết rồi, học sinh mỗi lúc mỗi thưa thớt. Cuối cùng người ta chỉ còn thấy một bóng học sinh lúi-thúi bước nhanh trên đường vắng.

Hùng! Phải rồi, cậu Hùng. Sau sự dẫn co của bao nhiêu ý nghĩ Hùng đã quyết-dịnh cấp sách đến trường. Lần này cậu sẽ đến văn-phòng trình bày hoàn-cảnh và sự rui ro vừa xảy đến cho gia - đình cậu để xin nhờ nhà trường triển hạn đóng học-phí cho cậu vài hôm nữa.

Vừa đến trường, học sinh đã nghiêm - chỉnh sửa soạn làm lễ chào cờ, Hùng ráp ngay vào hàng ngũ.

Sau buổi chào cờ, Hùng theo các bạn vào lớp, liền sau đó Giáo - sư đến. Hùng định xin phép lên văn phòng song cậu ta ngần ngại rồi ngồi xuống.

Năm phút sau người tùy phái đem đến một mảnh giấy. Giáo sư cầm lên rồi nhìn vào mặt Hùng. Cậu ta luống cuống, tái nét mặt. Giáo sư gọi Hùng để trao lại tờ giấy. Toàn thân của Hùng run lên, đôi gò má ướt đầm cả nước mắt. Cậu biết chắc đó là tờ giấy gọi của văn phòng. Hùng đưa tay gạt nước mắt đọc kỹ lại tờ giấy rồi òa lên khóc. Cả lớp — ngay cả Giáo sư — đều ngạc nhiên.

Hùng khóc vì quá cảm - động, quá thắc mắc và quá sung sướng. Tờ giấy kia không phải là tờ giấy gọi mà lại là tờ Biên lai.

Ai là ân-nhân của Hùng? Cậu ta tự hỏi.

Một giáo-sư nào có lòng tốt đã cứu giúp Hùng chăng?

Không. Không một Giáo-sư nào biết đến hoàn cảnh của Hùng, ngay Giáo-sư cổ-văn cũng vậy, vì học sinh trong lớp quá đông, Giáo-sư đâu có thì giờ để tìm thăm tất cả.

Còn bạn ư? lại càng không phải nốt. Những đứa giàu sang dưới mắt Hùng đều là những kẻ ngạo mạn kiêu căng, đầy óc giai cấp.

Suốt buổi học Hùng không nghe được một lời gì của thầy giảng vì trí óc mãi bận rộn suy-nghĩ tìm cho ra vị ân-nhân của mình. Cuối cùng Hùng định bụng đến năn nỉ với ông Giám-thị xin cho biết ai đã đóng giúp học - phí cho Hùng. Khác hẳn mọi ngày, giờ chơi hôm nay Đức vốn vờ kéo tay Hùng rủ ra sân đánh bi. Nhưng Hùng rụt rẩy đề chạy đến văn-phòng. Đức đi theo Hùng, đứng nép bên cánh cửa.

Thất vọng. Ông Giám-thị đã trả lời với Hùng: « Tôi không thể làm vừa lòng anh được vì tôi đã hứa với vị ân-nhân ấy là không bao giờ cho anh hay bất cứ một ai biết đến việc làm đó ».

Thấm thoát đã gần một tháng, Hùng lo lắng quá không biết tháng nay ba cậu có đủ tiền cho cậu đóng học-phí không? Vị ân-nhân có còn giúp cậu trong những tháng sau này không? mà vị ân-nhân đó là ai mới được chứ!

Một người khác đang lo lắng không kém Hùng, đó là Đức. Đức biết Hùng đã lâu lắm. Tháng trước, mỗi ngày bà mẹ cho Đức năm đồng để ăn quà, Đức tiêu có một, hai đồng còn bao nhiêu cậu bỏ vào một cái hộp nhỏ để cuối tháng khai ra đóng giúp học-phí cho Hùng. Tháng nay má Đức sốt nặng, hơn một tuần bà ta mê mang trên giường bệnh. Cha cậu thì không bao giờ cho cậu một đồng vì người chỉ thương yêu chăm sóc cậu trên phương-diện tinh-thần. Đức đang lo nghĩ: làm sao đủ tiền để đóng giúp học-phí cho Hùng tháng nay!

**Kính quý liệt Hòa - Thượng Thượng - Tọa, Đại đức
Tăng Ni và toàn thể Phật-giáo đồ xa gần.**

Đại-hồng-chung tại Phật-Học-Viện Trung - Phần chùa Hải-Đức Nha - Trang rớt đồng vào ngày 17 tháng 11 năm Canh-Tý vừa qua, nay đã hoàn thành mỹ mãn về hình dáng cũng như âm thanh. Sự kết quả mỹ mãn ấy là nhờ công đức quý vị đã gia tâm ủng-hộ về tinh-thần lẫn vật chất.

Thay mặt Ban Quản-trị và Tăng chúng toàn Viện, tôi kính lời cảm ơn quý vị và thành tâm cầu nguyện chư Phật gia-hộ quý vị Vô-lượng phước lạc.

Nha-Trang, ngày 1 tháng 12 năm Canh-Tý

Giám-Viện Phật-học Viện T.P
THÍCH TRÍ-THÙ

NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG



Chuyện dài xã-hội của Võ Đình Cường

(Tiếp theo)

XIII

MẮT Thường nóng bừng, hai tay run run chống xuống bàn «Tài xỉu», chàng uể oải đứng dậy. Thường sững-sờ đứng nhìn quanh những người còn ngồi đánh, hình như muốn tìm một vẻ mặt quen biết, nhưng không thấy đâu cả. Chàng quay lưng đi ra phía cửa. Tiếng ồn-ào, náo-nhiệt của giầy guốc, bán buôn ăn uống nói cười quanh chàng như xa lạ, ở một thế-giới nào vọng lại, không có liên-lạc gì với chàng cả. Ra đến cửa Đại-thế-giới, chàng rút một điều thuốc, dừng lại đánh diêm thắp thuốc. Chàng đánh đến cây diêm thứ ba mới đốt được điều thuốc. Chàng đi về phía Chợ-lớn, theo cái đà thúc đẩy của những người đi lại trên lề đường như hai dòng nước ngược chiều mà trên ấy chàng là một cánh bèo đang trôi dạt.

Đêm nay là đêm thứ ba chàng vào Đại-thế-giới, và đã trút hết tiền vào bàn Tài-xỉu như hai đêm trước. Số tiền một trăm ngàn chàng lấy ở gia - đình, nói là để đi mua hàng chở ra Huế, chỉ còn lại mấy chục đồng bạc lẻ.

Bây giờ là mấy giờ đêm rồi chàng không biết rõ. Chợ-lớn sáng rực đèn điện, những chiếc đèn quay tròn, những chữ điện tắt đỏ, tắt đỏ, những bản quảng-cáo bằng nê-ông xanh, đỏ, vàng... Những ống loa giới-thiệu hàng, những bản nhạc phát ra từ các máy thu thanh, từ các đĩa hát ở các tiệm buôn, ở các rạp hát, ở các tiệm ăn, ở các tiệm nhậu, ở khắp mọi nơi. Bông, trước cửa một rạp chiếu bóng, người là người ở đâu trong rạp tỏa ra, và người là người ở ngoài ùa vào, như hai giòng nước ngược chiều gặp nhau và xoáy thành tròn ốc. Thường bị đẩy vào giữa cái xoáy nước ấy, quay lộn, xoay người mấy vòng, nhưng chàng không

phản-ứng lại; có lẽ vì không đủ sức hay vì không cần. Người ta đều có dự định đi lên hay đi xuống, đi vào xem chiếu bóng hay đi về ngủ... Còn chàng thì biết làm gì, đi đâu bây giờ? Cuối cùng, sau một hồi bị thúc đẩy loanh-quanh, Thường lại quay lộn lại ngã mình vừa đi tới. Nhưng chàng không quan tâm đến điều ấy. Đi lên hay đi xuống, đi vào hay đi ra, đối với chàng bây giờ đều như nhau cả. Cái đã người, cái giòng nước lũ ấy, đây chàng đến đâu thì chàng đến đấy. Chàng không thấy có mục - đích nào để đến cả. Khi ăn, khi uống, khi ngủ, khi vắt tiền vào sòng bạc,... Chàng thấy đều không để làm gì cả.

Trước kia, khi còn yêu Dung, khi Dung còn là vị hôn-thê của chàng, Thường bãng-hái làm việc, chịu khó nhọc đi buôn kiếm lời, cố làm giàu... Mối tình của chàng là chất men làm cho chàng say sưa trong công việc. Sau khi được biết Dung mang thai, Thường bỏ Đồi-Mit ra đi, và từ đó, chàng thấy chán-nản, rã-rời như vừa tỉnh một cơn say. Từ đấy, chàng cố tìm một chất men khác, trong rượu, trong gái làng chơi, trong các sòng bạc... nhưng không có chất men nào đủ sức làm cho chàng say sưa với công việc. Có nhiều lúc chàng đã ngồi hàng giờ trước một ly rượu hay ly cà-phê, đôi mắt xa xăm nhìn khói thuốc, đầu óc trống rỗng. Nhưng những lúc đầu óc trống rỗng như thế mà còn ít nguy hiểm, ít tai hại cho chàng hơn là những lúc chàng sực nhớ đến hình ảnh của Dung nằm trong tay bọn thân binh. Những lúc ấy, đôi mắt chàng quất lên, lửa thù hận chập chờn ở trong ấy, và chàng muốn phá phách một cái gì cho hả giận. Nhưng chung quanh chàng không có gì để cho chàng phá phách được cả, nên chàng lại đem mình ra để phá phách. Thế là chàng lại núc cho thật nhiều rượu, đi tìm một sòng bạc để vùi đầu vào đó từ ngày này sang ngày khác hay lăn mình vào một ổ chứa gái.

Cha mẹ Thường hiểu tâm-bệnh của chàng, lật đật đánh mồi manh chỗ này chỗ khác để tìm cho Thường một vị hôn thê khác. Nễ lời cha mẹ, Thường cũng đi «dòm-mặt» đôi ba nơi, nhưng không có nơi nào chàng vừa ý cả. Vả lại, dù chàng có vừa ý, chưa chắc nhà gái đã bằng lòng,

ỳ tiếng ăn chơi bừa bãi của Thường đã lan khắp Nha-trang, không ai là không biết. Gia-đình chàng càng ngày càng nhận thấy bất lực không thể khuyên răn gì được Thường nữa. Chàng đi trưa về khuya, có khi đôi ba ngày không về nhà, và mỗi lần về nhà là áo quần nhàu nát, đầu bù tóc rối, và nằm ngủ vùi đến một hai ngày chưa dậy.

Ông thân Thường sực nhớ đến Lựu, một người bạn ở Sài-gòn thường hùn vốn buôn bán với chàng. Ông gửi thư vào cầu cứu với Lựu ra giúp ông một tay, kéo Thường ra khỏi vũng trụy-lạc. Lựu ra Nha-trang, ở lại chơi với Thường mấy hôm, cuối cùng đề nghị với Thường hùn vốn chở một chuyến hàng ra Huế bán Thường nhận lời. Ông thân Thường mừng rỡ cảm ơn rồi-rit Lựu và góp nhóp được một số bạc 100 nghìn đưa cho Thường vào Sài-gòn mua hàng. Hai người bạn hăng hái ra ga xe lửa lấy vé vào Sài-gòn, cả nhà hớn-hở tiễn đưa hai người lên xe. Khi xe chuyển bánh, Thường thò đầu ra cửa xe đưa tay vẫy từ-từ, với một nụ cười nhếch mép tự tin như người chiến sĩ ra trận hứa hẹn đem chiến-công về, Thường vào Sài-gòn trọ tại nhà Lựu, ở Tân-Định. Hai ngày đầu, hai người chia nhau đi tìm mua hàng. Thường bọc số tiền năm chục ngàn vào Chợ-lớn mua hàng. Số tiền năm chục ngàn còn lại, chàng giao cho Lựu cất giữ. Thường đi luôn hai đêm ngày không về nhà. Lựu lo lắng đi tìm ở những nhà quen biết, ở những tiệm rượu, tiệm nhậu nhưng không tìm thấy Thường đâu cả. Cuối cùng, vào khoảng 10 giờ tối ngày thứ hai, chàng bắt gặp Thường đang ngồi gục đầu trước một cốc rượu tại một tiệm giải khát ở trống Đại-thế-giới. Nhận thấy Lựu, Thường vẫn ngồi yên, không buồn chào hỏi: Lựu lay vai chàng, hỏi một cách giận dữ:

— Sao? Nướng hết cả vào bàn «tài-xỉu» rồi phải không?

Thường gật. Lựu có thể diên đầu lên được. Chàng mẫn:

— Thế thì còn buôn với bán chí chóe gì nữa! Buôn, buôn cái con... Không đi về cho rồi, còn ngồi làm chi đó nữa?

Thường ngoan-ngoãn đứng dậy đi theo Lựu sau khi móc túi lấy mấy chục bạc ra trả tiền rượu. Trên xe tắc-

xi từ Đại-thế-giới về Tân-định, hai người không nói với nhau một tiếng gì nữa. Về đến nhà hai người vẫn im lặng. Thường để cả áo quần lẫn lên giường, đánh một giấc cho đến 10 giờ sáng hôm sau. Khi thức dậy, chàng có vẻ hoảng hốt như sự nhớ vừa đánh mất một cái gì quan trọng lắm. Chàng ngồi nhồm dậy, và sau khi ý thức được tất cả lỗi lầm to lớn của mình, chàng co hai chân lên, ngồi bó gối lại và gục đầu khóc. Lạ đề cho chàng khóc như thế gần một giờ đồng hồ, không buồn hỏi tới. Cuối cùng, thấy thương hại bạn, chàng nói trống:

— Không đi súc miệng rửa mặt mà ăn uống chớ ngồi đó khóc mãi sao? Khóc mà có lấy tiền lại được không?

Thường ngoan-ngoãn đi rửa ráy. Người nhà Lạ dọn ra cho chàng một bát hủ-tiểu và một ly ca-phê sữa. Chàng ngồi vào bàn, ăn không có vẻ gì là ngon lành cả. Lạ ngồi xuống cái ghế đối diện với chàng, định ý nói gì, nhưng lại thôi. Thường húp được nửa bát hủ-tiểu, rồi để bát xuống, gác đôi đũa lên trên.

Lạ nói giọng hơi dụ:

— Ăn đi cho hết. Đây có tiệm hủ-tiểu ngon lắm. Ăn đi cho no rồi còn bàn chuyện làm ăn.

Thường lắc đầu:

— Ăn không thấy ngon, đắng cả cuống cổ...

Chàng hợp một hợp cà-phê sữa, rồi lên giường nằm, tay gác lên trán.

Lạ đến ngồi vào thành giường, an-ủi:

— Thôi chuyện đã lỡ rồi, tiếc cũng vô ích. Vốn nhiều thì buôn nhiều, vốn ít thì buôn ít. Nếu cần tôi sẽ hùn thêm.

Thường ngồi nhồm dậy, cãi!

— Không phải tôi tiếc của. Nói cho đúng thì cũng có tiếc đôi chút. Nhưng tôi nghĩ tôi hư quá. Tôi tức tôi quá! Tôi phụ lòng cha mẹ tôi, tôi phụ lòng tốt của anh. Tôi đã long trọng hứa với tôi, hứa với cả nhà, có anh nghe

nữa, là tôi thôi không chơi bời cờ bạc, rượu chè nữa. Thế mà chỉ có mấy hôm, tôi lại theo con đường cũ. Khi ra đi thì tôi tin tôi lắm; thế mà vào đây, không biết bị ma quỷ ám chướng hay sao mà tôi quên hết. Tôi không tự chủ được tôi nữa. Những xe cộ, những ánh đèn xanh đỏ, những điệu nhạc, những giọng người tuồn đi như thu hút tôi, lôi cuốn tôi. Thế rồi tôi bị lôi kéo, như bị thôi miên, vào Đại-thế-giới, ngồi vào các bàn tai-xiêu và đánh như một kẻ bốc đồng. Khi thua hết cả, tôi sực nhớ ra là mình vừa phạm một tội ác. Tôi càng nghĩ, tôi càng thấy xấu hổ với gia-đình tôi, nhất là xấu hổ với anh quá. Anh Lựu, anh có khinh tôi lắm không?

— Thôi, chuyện đã qua thì cho nó qua luôn, anh đã biết ăn năn hối cải là tốt. Bây giờ hãy lo đến chuyện làm ăn...

Thường sốt sắng:

— Anh nói rất phải. Tôi phải lo mua hàng gấp để chở cho kịp chuyến « công-voa ». Nhưng trong khi tôi còn ở lại đây, thì anh phải đi kèm theo tôi mới được, tôi thấy tôi không vững chút nào cả.

— Được, được, anh cứ yên tâm. Anh lo xa như thế tốt lắm.

Hai ngày tiếp theo sau đó, Thường và Lựu cùng nhau đi hỏi giá cả gạo và mướn xe để chở đi Huế! đến chiều ngày cuối cùng, tức là chiều hôm nay nghe tin « công-voa » sắp khởi hành, hai người chia nhau công tác, để làm cho kịp chuyến xe. Lựu vì quen biết nhận đi chạy giấy tờ, và Thường thuê phu và coi ngó việc bỏ gạo lên xe. Chính chiều hôm nay, trong lúc Lựu đang vui đùa chạy theo giấy tờ, thì Thường, đáng lẽ đem tiền đi trả nốt số tiền gạo, không hiểu vì một sự thúc dẩy nào, đã đem thẳng số tiền ấy vào Đại-thế-giới một lần nữa, và đã nường vào đó cả trước sau tất cả 100 ngàn.

Thường bây giờ như người mất hồn, đi lang thang giữa đám người lũ lượt ngược xuôi và không biết mình sẽ đi đâu, và làm gì nữa.

(còn nữa)

Tìm tài liệu về **Gia - Đình Phật - Tử'**

Của NGUYỄN NGỌC DIỆP

ĐỀ đáp lại nhu-cầu của một số Thiếu-Niên Phật-tử, muốn tìm hiểu về Gia-Đình Phật-Tử. Chúng tôi xin ghi những số báo Phật-giáo, đề cập đến G.Đ.P.T. Vì hiếm hoi, chúng tôi chỉ ghi được một số báo mà thôi, nhưng tin chắc cũng vừa đủ tài-liệu cho các bạn,

Những tập báo chúng tôi ghi sau đây, phần nhiều là Đặc san của các văn tập Phật-giáo. Ngoài ra cũng có một số tài liệu về G.Đ.P.T. Trong các báo của mỗi G.Đ., nhưng có tính cách địa-phương, chúng tôi không đề cập đến. Đây, chúng tôi xin giới-thiệu.

Nguyệt - San Viên - Âm

(Của Hội An-Nam Phật-học nay là Hội Việt-Nam Phật-giáo T.P.)

1. Viên-Âm, số đặc-biệt về Gia-đình Phật.Hóa, số 75-76 (1945)

Trong số báo này, các bạn sẽ được biết:

- Mục-dịch và châm-ngôn G.Đ.P.H.
- Các G.Đ.P.H. đầu tiên
- Nghi-thức tụng niệm đầu tiên của G.Đ.P.H.
- Kịch, trò chơi, câu đố, câu hát.

2. Viên-Âm, số đặc san Gia-đình Phật-tử do Ban Hướng-Dẫn G.Đ.P.T. Tổng Hội soạn, số 109-110 (1952), tháng 9,10 Âm-lịch. Trong tập này có:

- Vì sao G.Đ.P.T. ra đời
- Phương-pháp Giáo-dục trong G.Đ.P.T.
- Một sức sống Văn-nghệ.
- Dạy chuyên - môn
- Trai Áo-lam
- Người chỉ trưởng

3. Và một số bài rải rác trong các báo Viên-Âm từ số 109-110 trở đến.

Mùa Sen Mới

Số báo đặc-biệt về (G.Đ.P.) Gia-đình Phật-hóa Phồ, kỷ-niệm Lễ Thành-Đạo 2512, Gia-đình Phật-hóa Phồ xuất bản. Trong tập tài-liệu học-tập rất nhiều. Đại-khái trong số này có :

- Nghệ-thuật điều-khiển
- Nghi-thức tụng niệm
- Nhạc của G.Đ.P.T. v. v....

Phật-Giáo văn-tập

Số đặc-biệt về G. Đ. P. H. P, năm 1949, do hội Việt-Nam Phật-học, Tinh-hội Thừa-Thiên phát-hành, trong số này có rất nhiều bài học về Phật Pháp, chuyên-môn, gia-chánh cho Thiếu-nữ Phật-tử. Đặc biệt có ghi Nội-quy-trình và chương-trình học tập của G. Đ. P. H. P.

Báo Tin - Phật (1955)

Những số báo này có một phần trình-bày những sinh-hoạt của G.Đ.P.T.

Báo Phật - Giáo Việt - Nam

Các bạn đề ý đến tập-san Phật-giáo thống-nhất, có giới-thiệu thành phần Ban Hướng-Dẫn G.Đ.P.T. vào năm 1952.

Liên-Hoa Nguyệt-san

Tức là văn tập bạn hiện đọc, văn tập của Giáo-hội Tăng-già Toàn-quốc. Tuy chưa có đặc-san về G.Đ.P.T, nhưng hầu hết các báo, đều có đề cập đến G.Đ.P.T. Đáng chú ý hơn hết là các số báo Liên-Hoa từ số 11 tháng 11, năm thứ năm, kỷ-hội mà đến, đều có mục G.Đ.P.T. thường xuyên.

Tóm lại, chúng tôi đã cố gắng tìm các báo trên đề các bạn có thể đi tìm, mượn mà xem, Nhưng, vì hiếm-hoi, các bạn cảm thấy khó khăn trong vấn đề tìm kiếm các sách cũ trên. Mặc dầu vậy, các bạn sẽ không thất-vọng, vì Liên-Hoa sẽ mỗi ngày mỗi cố gắng hiển cho bạn thêm tài liệu đầy đủ về G.Đ.P.T, như thế các bạn nên tìm mua các số báo Liên-Hoa mà chúng tôi đã nói ở trên sẽ có ngay.

Cuối cùng, đây là một bài mở đầu để tiếp diễn cho các bài khác, của các tác giả khác về vấn đề sưu tầm tài liệu G.Đ.P.T nói riêng, và tài liệu của Phật-giáo nói chung, để góp ít nhiều xây dựng.

DIỄN VĂN

của Đạo-hữu Hoàng-Kim-Cúc Trưởng Ban Hướng-Dẫn Gia-Đình Phật-Tử Trung-Phần, đọc trong dịp khai mạc Đại-Hội thường niên 22-1-1961.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

*Kính bạch quý liệt Hòa-Thượng, Thượng-Tọa Đại-Đức
trong Giáo-Hội Tầng-Già Trung-phần.*

*Kính bạch Thượng-Tọa Phó-hội-Trưởng Đại-diện Ngài Hội-
Trưởng và quý vị trong Ban Trị-Sự Hội Phật-Giáo Trung-Phần*

Kính thưa quý vị Đại-diện Tỉnh Hội Phật-Giáo Thừa-Thiên.

Kính thưa quý Đạo-hữu

Kính thưa Đại-Hội.

Cùng toàn thể quý anh chị và các em Gia-Đình Phật-Tử.

*Gia-Đình Phật-Tử Trung-Phần khai hội hôm nay dưới sự chứng
minh cao khiết của liệt vị Hòa-Thượng Thượng-Tọa cùng quý vị Đại-Đức
và sự hiện diện quý báu của 2 Ban Trị-sự tại Tổng-Hội và Tỉnh-
Hội, thật là một nguồn khích lệ lớn lao đối với các Đại-biểu khắp mười
Tỉnh về tham dự Đại-hội, cũng như đối với Ban Hướng-Dẫn Trung-
Phần và các anh các chị các em có mặt trong buổi sớm khai mạc
thiêng liêng đầy cảm khái này.*

*Thay mặt toàn Ban Hướng-Dẫn, chúng tôi hân hoan chào mừng.
quý liệt vị và chân thành cảm ơn công đức hộ trì chu đáo của liệt
quý vị cùng sự hợp tác chặt chẽ của toàn thể các anh các chị và các em.*

Kính bạch quý Ngài.

Kính thưa liệt quý vị.

*Ngày nay nếu hoạt động G.Đ.P.T, đối với đạo Phật nước nhà
không còn là một tổ chức nhất thời, phụ thuộc thì sứ mạng của nó
trước biến tình của thời cuộc Việt-Nam hiện đại lại càng to lớn, gay
go, càng trở nên phức tạp, đề vấn đề quan trọng này đã làm cho
bao nhiêu kẻ hữu tâm thường lo âu, suy nghĩ nêu lên một tình trạng*

cấp thiết, cốt để giải quyết tình trạng đó; đây là tất cả ý nghĩa của cuộc Đại-Hội được triệu tập hôm nay.

Kính thưa Đại-Hội.

Suốt một năm qua, vì lẽ sự đời không đi đôi với bản nguyện, ngoài những cố gắng đẹp đẽ của các G.Đ.P.T. Tỉnh-Hội, trong những sinh hoạt hạ tầng; cơ sở thượng tầng mà B.H.D. Toàn-Phần phải lãnh một phần lớn trọng trách hình như không tiến được một bước nào khả quan: không khả quan chỉ vì có nhiều thất bại; tình trạng bất như ý này, lát nữa trong phần báo cáo thường niên Đạo-hữu Thư ký sẽ trình bày cùng quý vị tường tận hơn,

Trước bao nhiêu gay go thử thách, toàn B.H.D. Trung-Phần sau một năm đeo đuổi nhiệm vụ, dẫu muốn sự không thành vẫn cố một lòng giữ vững tin tưởng để hành diện thấy lại Đại-hội hôm nay với một nếp sống nguyên vẹn, nếp sống trong sạch đạm bạc của người con Phật trong tổ chức G.Đ.P.T. đã từ lâu đang con nguy khố.

Nhưng trước một thực trạng thuận thời, mà không lợi thế, đối với tổ chức chúng ta, một thành công một thất bại nhất nhất đối với chúng ta đều có một ảnh hưởng, một ý nghĩa tốt đẹp vì không có một sự hy sinh lớn nhỏ nào là vô ích cả.

Tuy vậy, để đối phó được với tình trạng khó khăn hầu đầy mạnh phong trào G.Đ.P.T. về chiều rộng lẫn chiều sâu, chưa bao giờ vai trò lãnh đạo cần được lưu tâm mật thiết, như ngày nay. Vấn đề này đòi hỏi những con người tài đức, thực tế, mềm dẻo, trung kiên để thành tựu đối nội và nhất là đối ngoại; những con người ấy nhất định không phải chúng tôi, các ban viên trong B.H.D. niên khóa 1960, bởi vậy toàn B.H.D. niên khóa 1960 sau bài diễn-văn được xem như những lời Sám-hối này, trước khi chấm dứt nhiệm kỳ xin giải bày cùng Đại-Hội một vài điều ước mong về các vấn đề sửa đổi chương trình học tập và đầy mạnh sinh-hoạt thường niên mà Đại-Hội sẽ thảo luận.

SỬA ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH.

Chương trình học tập của 6 ngành Nam Nữ Phật-tử, Thiếu-niên Thiếu-nữ và Nam Nữ Oanh-Vũ trước mọi biến chuyển không ngừng của thời-gian và những biến tình của xứ sở cùng tâm hồn Thanh-thiếu-nhi không thể không tránh khỏi lạc hậu nếu chúng ta không lưu tâm sửa đổi.

Đề việc thảo luận, việc sửa đổi chương trình được nhanh chóng và có hiệu quả, thiết tưởng nên làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ chú trọng 1 ngành trước khi có sự quyết định chung của toàn Đại-Hội.

Mỗi khi chương trình của các ngành được tu chỉnh, đề làm sống dậy các chương trình đó một ít sinh hoạt hữu hiệu và thiết thực cho niên khóa mới cần được Đại-Hội đề ra.

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NIÊN KHÓA MỚI.

Vì bao nhiêu trở ngại, bên ngoài, dù cố gắng hết sức B.H.D. năm vừa qua vẫn chưa làm được gì đối với dự án công tác niên khóa 1960. Cho nên qua năm 1961 chúng tôi mong Đại-Hội trong lúc bàn định chương trình hoạt động niên khóa mới lưu ý lại các vấn đề!

— Xúc tiến gấp việc soạn thảo tài liệu học tập, riêng các ngành.

— Tờ chức cuộc họp bạn Huynh-trưởng toàn phần trong đó sẽ có trại riêng ngành.

— Mở lớp huấn luyện Huynh trưởng các cấp thuộc phạm vi Tông-Hội.

— Sửa soạn những điều kiện về tinh thần cho cuộc họp bạn ngành Thiếu toàn Phần hầu đề đến vấn đề thống nhất Gia-đình Phật-tử toàn Quốc về sau.

Kính bạch quý Ngài.

Kính thưa liệt quý vị.

Không dám lạm dụng thời giờ quý báu của liệt quý vị, trước khi dứt lời, một lần nữa thay mặt toàn B.H.D. Trung - Phần chúng tôi ngưỡng mong quý Hòa - Thượng, Thượng-tọa, Đại - Đức, Thượng-Tọa đại diện Ngài Chánh Hội-Trưởng, quý Ban Trị-sự Tông-Hội và Tỉnh-Hội Thừa - Thiên, quý Đạo-hữu quý liệt vị chấp nhận lòng tri-ân sâu xa của chúng tôi đối với sự hiện diện cao quý của liệt quý vị khiến cho buổi khai mạc thêm phần long trọng. Sau nữa chúng tôi chân thành cảm tạ G.Đ.P.T. Thừa-Thiên đã giúp đỡ chúng tôi nhiều về các công việc tờ chức Đại-Hội cũng như trong mọi Phật-sự quanh năm,

Cuối cùng, chúng tôi thân ái chào mừng các Anh các Chị đại biểu và kính chúc Đại-Hội thành công.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÃU NI PHẬT

TIN TRONG NƯỚC

— **Đại hội Gia-Đình Phật-tử Trung-phần.** — Đại hội Gia-Đình Phật-tử Trung-phần đã cử hành vào những ngày 21, 22, 23 và 24-1-1961 tại chùa Từ-Hiếu (Huế) Sáng 24-1-1961 toàn-thể Đại hội đều làm lễ Phật Thành-Đạo và kỷ-niệm Đệ-Thập-Nhị-chu-niên của Gia-Đình Phật-tử Trung-phần. Kỳ Đại hội này có đại-biểu các tỉnh: Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Đà-Nẵng, Quảng-Nam, Bình-Định, Phú-Yên, Đarlac, Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Kontum, có 4 tỉnh vắng mặt vì bận Phật sự trong dịp Thành-Đạo. Trong giờ khai mạc Đại hội có quý liệt Hòa-Thượng, Thượng-Tọa Đại-Đức trong Giáo-hội Trung-phần, Thượng-Tọa ủy-viên Gia-Đình Phật-tử toàn-quốc, quý-vị Đại-diện Hội Phật-giáo Trung-phần, Đại-diện Tỉnh-hội Phật-giáo Thừa-Thiên, một số Đạo hữu quen biết, các Huynh-trưởng và các em Thiếu-niên Thiếu-nữ trong các Gia-đình thị-xã Huế tham dự.

Đại hội đồng-ý dựng lưu Ban Hướng-Dẫn cũ và mời thêm một số anh chị em cựu đoàn trưởng tham-gia Phật sự niêp-khóa mới và chương-trình hoạt-động niêp-khóa mới được thảo luận và cải tổ rất nhiều.

Hội Phật-Giáo Ninh-Thuận. — Tỉnh-hội Phật-Giáo Ninh-Thuận (Phanrang) đã cử hành lễ Quy-y cho rất đông Hội-viên và làm lễ kỷ-niệm Đức Phật A-Di-Đà ngày 17-11 Canh-Tý.

Lạc-thành Hội-quán Quảng-Đức. — Tỉnh-Hội Phật-giáo Quảng-Đức (Cao-nguyên) tái lập tháng 11-59, nay hoàn thành ngôi chùa Phật-Giáo, đã làm lễ khánh-thành vào ngày 1,2 tháng 12 Canh-tý.

Tiền lạc cúng kiến-thiết Tông-Hội-Quán chùa Từ-Đàm Huế. — Văn-phòng Hội Phật-Giáo Trung-Phần tại Từ-Đàm cho biết đến ngày 5-1-1961 Văn-phòng đã nhận:

Tỉnh-hội Quảng-Trị	12.000\$
— Đà-Nẵng	20.000\$
— Quảng-Nam	20.000\$
— Quảng-Ngãi	40.000\$
— Bình-Định	20.000\$
— Khánh-Hòa	30.000\$
— Bình-Thuận	10.000\$
— Tuyên-Đức	44.000\$
— Đarlac	10.000\$

Phật sự Nam-phần

BIÊN-HÒA. — Trung tuần tháng 9 vừa qua, Ban Giám-đốc Phật-Học-Viện N.V. đã làm lễ khai-giảng 1 chi-nhánh Phật-Học-Viện N.V. (cấp tiểu học) tại chùa Chi-hội Phật-học Biên-Hòa. Học-Tăng đến tu học hơn 30 vị do 2 giáo-sư tốt nghiệp Trung-học Phật-giáo phụ trách giảng dạy.

VÙNG-TÀU. — Ngày 14, 15 tháng 11 năm Canh-Tý, Ni-Bộ N.V. sẽ làm lễ khánh-thành Phô-dà tu-viện; dưới sự chứng-minh của Ban Tổng-Trị-Sự Giáo-hội N.V.

LONG-AN. — Tại chùa Long-An (Tân-An) có mở lớp giảng giáo-lý nhà Phật, từ 26 đến 30 tháng 11 năm 1960 do quý vị Giảng-sư T. Thiên-Định, T. Huyền-Vi và T. Thanh-Từ phụ trách. Khóa giảng này thu hoạch nhiều kết quả.

CHỢ LỚN. — Giáo-Hội Tăng Già N.V. đã trùng tu chùa Giác-Ngộ và xây cất Tư-thục Bồ-đề xong ở đường Nhân-vị số 36 Chợ-lớn; và đã làm lễ khánh-thành vào mùng 5, 6 tháng 12 năm Canh-Tý.

Hoạt động Phật-giáo tại Đại học đường Đài-Loan. — Từ ngày thành lập Hội Phật-giáo Tsikuang tại Đại-học-đường Đài-Loan, các hội-viên đã hoạt động rất nhiều. Ngày 19-5-60 Hội đã nhóm họp thảo luận lần đầu tiên và dưới quyền Chủ-tọa của vị Hội-trưởng, nhà học-giả H.T. Chu đã giảng về khái niệm về Phật-giáo, đề cập đến vấn đề Phật-giáo trong đời sống con người và lịch-sử truyền bá Phật-giáo vào Trung-Hoa.

Trường Trung-học Phật-giáo Từ-Hàng. — Trường Trung-học Từ-Hàng do các Phật-tử Đài-Loan thành lập để tưởng-niệm Hòa-Thượng Từ-Hàng đang phát triển tốt đẹp. Những Hoa-Kiều tại Phi-luật-Tân đã biểu 300.000 đồng mới Đài-Loan để bỏ vào quỹ của Trường-ốc.

Một Thư-viện Phật-giáo tại Hồi-quốc. — Dưới sự bảo trợ của Hội Thanh-Niên Phật-tử Hồi-quốc, một Thư-viện Phật-giáo đã được khánh-thành tại Jamalkhan (Đông-Hồi) và do Ông Chandra Mutsuddy chủ-tọa.

Ông Sha du Jivan Barua Hội-Trưởng đã giải-thích mục-dịch của Hội trong việc thành-lập Thư-viện là đáp lại nguyện-vọng lâu nay của Thanh-Niên thành phố Jamalkhan. Ông Tổng thư-ký của Hội đã kêu gọi sự đóng góp và giúp đỡ của mọi người cho Thư-viện. Đại-Đức Visuddhananda Mahastavir Hội-Trưởng Địa-Phương của Phật-giáo Thế-Giới đã tuyên-bố khai-mạc Thư-viện.

Cuộc thuyết pháp tại Anh Quốc — Đại đức H. Saddhatissa trụ trì tu viện Phật-giáo tại Luân-Đôn

đã đi thuyết pháp toàn nước Anh trong mùa đông — Các hội Phật-giáo ở Manchester, Leeds, Leiceister và Shrewsbury đã mời Đại đức đến viếng thăm họ và chỉ về cho họ về tham-thuyền và những giáo-lý Phật-giáo.

Hội nghị văn Hóa Phật-giáo tại Ấn-độ. — ngày 19-10-60 trong buổi lễ khai mạc hội nghị văn hóa Phật-giáo trong dịp lễ thường niên của hội Maha Bô-đề tại Calcuta. Thống đốc xứ Kerala đã nói đến những lý tưởng đẹp đẽ của Phật-giáo và kêu gọi mọi người cố gắng thực hiện trong đời sống, những đức tính và giáo-lý của Đức Phật đã nêu.

Tin tưởng chắc chắn có luân hồi — Vị chủ tịch Thụy sĩ của Liên-Bang Quốc tế Tinh thần, ông Karl E. Muller đã tin quyết rằng con người tái sinh sau khi chết. Trong một buổi thuyết trình tại Luân-Đôn ông đã tuyên bố rằng ông rất tin chắc có luân hồi. Ông nói "nếu bảo tôi xác nhận định luật, tôi sẽ nói rằng căn cứ trên sự đương nhiên sẵn có, mỗi người chúng ta đã sinh ra trên trái đất này ít nhất là một lần trong một thế kỷ". Ông giải thích rằng mặc dù tái sinh trên quả địa cầu này là định luật, sự tái sinh ấy có thể phát hiện trên một quả địa cầu khác, và có một số người đã sinh ra lần đầu tiên trên quả đất này. Ông nói chúng ta đã quen biết trước trong một kiếp sống trước những người bà, con hoặc bạn bè của chúng ta, và đời sống mới không bắt buộc phải giống như đời trước, nhưng đôi khi có sự giống nhau vì tinh thần ảnh hưởng đến hình thức của thân thể.

Hộp thư

Chúng tôi có nhận những bài:

«Tội Yêu Đạo Vàng» của P. M. S. — K.B.C 4335,
« Một Thái-Độ cầm bút » của Chiêu-Phát — Phan-Ri,
«Cảm Niệm» Nguyễn Văn Nho — Phan-Ri «Nhơn
một buổi Chiều» của Lữ-Hồng — Hải-Định, «Kiếp-
Trần» của Chiêu-Nam — Huế, « Những Thi Ca Phật
giáo » Đoàn Nguyên-Nghị — An-Truyền — Huế, «Sống»
của Thiện Chánh — Hội-An «Hai ngày ở Trại
Vinitaruci» Trần Tứ Phương — Phan Rang, «Lời
người Huynh Trưởng» của Tân-Anh — Huế, «Tội
Thương» của Huyền-Kỳ — Tuy-Hòa, «Bổ-thi», «Ánh-
Đạo Từ-Bi» và «Sống Hòa Ánh-Đạo» của Hoài-Phương
— Đồng - Hà, «Hương về ánh Đạo» Từ-Lam — Huế,
«Người Phật-Tử» của Tùng-Châu — Huế, «Chiếc Áo
Lam» của Lê-Minh-Châu — Đồng-Hà, «Cầu Phật» của
Ngô-Hoàng-Phi..., «Đời Mới» của Hồng-Sa-Mộng Nguyễn-
Dư — Huế, «Hồi Chiêu Mộ» của Phan-Văn — Quảng-
Nghĩa, «Thánh-Chiến» của Trầm-Anh — Sài-gòn, «Đổi
Thoại» của Thủy-Diệu — Bồng-Sơn, «Từ Huế Đến Hàng»
của Trần-dinh-Bảng — Sài-gòn, «Tôn-Giáo Văn-Học»
của Tịch-Mặc-Tử — Huế, «Về Thăm Phước-Thiện Cờ-
Nhi» của Bùi-Mộng-Giác — Phú-Yên, «Trở Về Với Chánh
Pháp» của Trần-Hải — Thái-Lan, «Bài Thơ Vạn-Hạnh»
của Nguyễn-Lân — Phan-Thiết «Chiều Về Cờ-Nhi» của
Thanh-Minh — Tuy-Hòa, «Thiếu - Niên Phật-Tử» nhạc
của Hàng-Vang — Huế, «Kỷ-Niệm Niết-Bản» của Tâm-
Hiền — Huế, «Hãy Bàn Về Đồi Danh Hiệu Gia-Đình Phật-
Tử» Mai-Văn-Sơn — Đà - Nẵng, «Trối Trắng» của Lê-
Lộc — Sài-gòn, «Cờ Độc» Hoài-Thương — Ban-mê-thuột,
«Dưới Phật Đài» của một Độc-giá — Cao-miền, «Tội
Chỉ Ước Một Điều» Trọng-Lam Sài-gòn «Chỉ-Có-Đạo»
của Phạm Văn-Thảo — Phú-Yên, «Thế-Giới Trong Tôi»
Thiệu-Chánh — Kon-tum, «Nhớ Mùa Xuân-Cũ» Cao-dức
Là — KBC 4613, «Lòng Mẹ» của Tâm-Giác — Lăng-
Cò Huế, «Xuân Đạo-Lý» của Hoài-Hương — Quảng-Trị,
«Đời» của Diệu-Quang — Quảng-Trị, «Thương Nhớ Mẹ
Hiền» của Tra-Giang — Thạch-Châu, «Bài Dâng Phật-
Tổ» của Vương-Thành — Đà-Nẵng, «Ngày Vu-Lan» của

Tám-Thông Bồ-Đề — Huế, « Tim Chân-Lý » Thái-Văn-Minh — Luân-Đôn, « Ngày Trọng-Đại » của Văn-Lan — Huế, « Tráng Chuối » của Phúc-Hưng — Phú-Yên, « Ngày Vui Vạn Kỳ » « Đức Bồn-Sư chúng ta » của Hoài-Lương — Đà-lạt « Một chuyện linh cảm khi niệm Đức Quán-Thế-Âm » của Tân-Phong — Huế, « Bài Dâng Phật (TỔ) » của Vương-Thành — Bảo-Lộc, « Vài Ý Niệm Xây Dựng Gia-Đình » của V.B. Gia-dình Phật-tử An-Hòa — Huế, « Người Phật-Tử Thuần Thành » của Thiện-Minh, « Một Thiếu-Niên Tin Phật » của T.H. Qui-Nhơn « Giao-Lại Tuổi Thơ » của Mộng-Huyền-Trang — Huế « Có Những Bàn Tay » của Hoài-Mai, « Lạc-Loài » của Đình-Huyền và Lệ-Hàn « Nhóm Bụi Đời » Huế, « Trọn Một Niềm Tin » của Hoàng-Hiếu K.B.C 4869, « Chúng Ta Hãy Nhìn Lên Trời » của Hoài-Mai « Chân Trời Mới » của Nhi-Huyền — Huế « Một Vị Sao » của Mặc-Phương-Đình — Huế « Chan Hòa Nhịp Sống » của Lê - Cảnh - Tri, « Thoát-Tục » của Thích - Nhật-Tân — « Yêu Mùa Trăng Đạo » Dạ Phong. « Chùa Cỏ » của Thiệu-Dung — « Đạo-Lý Đông-Phương » của Trương-Phổ dịch — « Ngày Giỗ Mẹ » của Thiệu-Phong — « Dòng-Đời » của Võ Văn-Toàn — « Phật Pháp Với Hòa-Bình Nhân-Loại » của V.V.T. — « Chuông Ngân » của Nghiêm-Tĩnh « Đám Tang Học - Tăng Nguyên - Mỹ » của Minh-Tuyền — « Lời Chỉnh Phụ » của Lạc-Như — Đường Yêu Thương » của Đình-Huyền — « Tiền Căn Hậu Kiếp » của Linh-Diệu — « Vui Trong Đạo Hạnh, Đấng Trinh » của Diệu-Liên, Đà-lạt — « Xuân Tân-Sử » của Vũ-Huyền-Dur. Quảng-Ngãi — « Ngày Muôn Thuở » của Lệ-Hoài-Châu Quảng-Trị. — « Gia-đình P.T. về đâu và Xuân mong ước » của Tâm-Thanh Quinhơn.

Chúng tôi chọn thành cảm ơn qui vị trên đây đã hoan hỷ cộng tác với Liên-Hoa, bài nào đăng chúng tôi sẽ gửi thư riêng và báo tặng đến địa chỉ Tác-giả.

Vị nào gửi bài xin viết trên một mặt giấy, hoặc đánh máy càng qui và xin ghi rõ địa chỉ để chúng tôi tiện việc liên lạc.

Liên-Hoa mỗi kỳ nhiều nhất là đăng ba bài thơ nhưng qui vị gửi thơ đến quá nhiều, mong qui vị sáng tác văn xuôi gửi về để dễ đăng hơn. Rất trông.

Kính chào tinh tấn
L.H.N.S